

# ĐẠI THỪA PHÁP UYỂN NGHĨA LÂM CHƯƠNG

## QUYỂN 7

### NGHĨA LÂM BA THÂN

Về nghĩa ba thân, lược dùng năm môn để phân biệt:

- 1- Nói về tên gọi.
- 2- Nêu ra thể.
- 3- Khai hợp, phết lập.
- 4- Nhân khởi tương quả
- 5- Các môn phân biệt.

- **Thứ nhất, là nói về tên gọi:** Kinh Phật Địa chép: “Sự chuyển biến khác nhau của pháp tự tánh, thọ dụng, biến hóa”. Phẩm ba thân kinh Kim Quang Minh quyển hai chép: “Tất cả Như Lai có ba thứ thân”:

- 1- Hóa thân.
- 2- Ứng thân.
- 3- Pháp thân.

Ba thân như thế, gồm thâu thọ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề. Luận Phật Địa chép: “Tự tánh tức là thân tự tánh đầu tiên. Thể thường không biến đổi, gọi là thân tự tánh”. Thành Duy Thức chép: “Là thật tánh bình đẳng của tất cả pháp”.

Nhiếp Luận quyển 9 của Vô tánh chép: “Vì chẳng phải do giả lập, nên gọi là Tự tánh, không phải như thân khác nhóm hợp thành, vì là đối tượng y chỉ, nên gọi là thân tự tánh, tức thân, là trì nghiệp thích. Pháp, gọi là nghĩa các công đức khác nhau. Tánh, gọi là bản thể, vì thể của nghĩa, nên gọi là Pháp tánh”.

Vô Tánh giải thích rằng: “Vì pháp tánh tức là thân, nên gọi là pháp thân. Hoặc pháp tức là đức của các hữu. Vì đức này là tánh của pháp thể kia, nên gọi là Pháp tánh”.

Vô Tánh giải thích: “Hoặc là chỗ đối tượng y chỉ của các pháp”.

Thành Duy Thức chép: “Vì đối tượng y chỉ của pháp công đức vĩ đại”.

Luận Phật Địa chép: ‘ Vì đối tượng y chỉ của các pháp công đức của lực, vô úy, v.v... gọi là Pháp tánh, là Y chủ thích”.

Thân có ba nghĩa: Thành Duy Thức chép: “Thể dựa vào nghĩa nhóm, nói chung là thân; pháp tánh tức thân, là trì nghiệp thích”. Luận Phật Địa chép: “Sự thọ dụng tức là thân thọ dụng tiếp theo, vì khiến cho mình, người đều được thọ dụng các thứ pháp lạc lớn. Nghĩa này chỉ rõ chung thân thọ dụng của mình, người, đều gọi là thân thọ dụng. Thân tự thọ dụng tự thọ pháp lạc; thân thọ dụng của người khiến người thọ dụng”.

Thành Duy Thức chép: “Thân thọ dụng của mình thường tự thọ dụng thú vui pháp rộng lớn; thân thọ dụng của người là chúng Thập địa hiện thân thông nói pháp, xé rách mọi lưới nghi, sao cho người được đón nhận niềm vui; hợp hai thứ này gọi là thân thọ dụng. Thân tự thọ dụng là trì nghiệp thích. Vì thọ dụng tức là thân, nên thân thọ dụng của người là y chủ thích, vì thân của sự thọ dụng”. Kinh Kim Quang Minh cũng gọi là ứng thân, chỉ nói sự thọ dụng của người, không nói sự thọ dụng của mình, gọi là ứng thân, vì đáp lại nên hiện thân, gọi là ứng thân, như kinh kia nói: “Này thiện nam! Các Như Lai này vì các Bồ-tát được thông đạt, nên nói về chân đế, cho đến nói rộng, thân này có thể hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vầng ánh sáng tròn phía sau ót gọi là ứng thân, về công đức định tuệ của thân tự thọ dụng”, kinh kia nói: “Vì thuộc về pháp thân”.

Luận Phật Địa chép: “Biến hóa tức là về sau, thân biến hóa vì muốn đem lại lợi ích, yên vui cho chúng sinh, nên thị hiện các thứ biến hóa khác nhau; chuyển đổi thân cũ, gọi là biến; không có mà bỗng nhiên có, gọi là hóa, biến khác với hóa, là Tương vì thích. Biến hóa tức thân, là Trì nghiệp thích”.

Đây là nêu tác dụng vượt hơn của thân cảnh, gọi là thân biến hóa, vì phần nhiều là sự biến hóa, nên kinh Kim Quang Minh gọi riêng hóa thân là năng dẫn thọ, vì tiếp nhận niềm vui kém, riêng vượt hơn được gọi tên. Hoặc gọi đơn giản là hóa, biến hóa tức thân là trì nghiệp thích, gọi chung ba thân là Đối số thích.

- **Thứ hai, là nêu ra thể:** Lược có sáu văn:

1- Có nghĩa: Duy Thức, Phật Địa đều chép: “Thân cõi công đức

của Như Lai mâu nhiệm sâu xa, chẳng phải có, chẳng phải không, lia các phân biệt, dứt bật các hý luận; chẳng thuộc về pháp môn giới, xứ, v.v... nên thắng nghĩa để chẳng phải thân, chẳng phải thân không, nhưng có ba thứ: y cứ vào thế tục để, thuận theo sơ duyên mà hiện, nói có ba thân: lý không của pháp thân; trí không của báo thân; vì đem lại lợi ích cho chúng sinh mà hóa hiện, gọi là thân biến hóa”. Các sư Thanh Biện, v.v... đều có nghĩa này.

2- Có nghĩa: Pháp thân chỉ dùng chân như làm tánh. Trong mười tám giới, chỉ có ba thứ sau, chung cho thuộc về vô lậu. Do đây, thân Phật hội đủ ba pháp: Đại định, trí, bi tăng thượng, thức thứ sáu, bảy, tám và phẩm tướng ứng, làm thân tự thọ dụng.

Trí bình đẳng tánh, thuận theo cơ nghi của Thập địa, hiện tướng tịnh độ của thân tha thọ dụng.

Trí Thành sở tác, thuận theo cơ nghi của ba thừa, khởi lên tướng Tịnh độ của thân biến hóa. Hai thân cõi này, vì diệu định sinh, thuộc về sắc pháp giới, chẳng phải năm thức Phật, dù dựa vào biến này, nhưng thô, tế khác nhau, nên chẳng phải thuộc về năm cảnh. Trí Thành sở tác, hoặc là tương ứng của thức thứ sáu, thứ bảy.

Sáu tương ứng: Quán tự tướng, cộng tướng, v.v..., gọi là trí Diệu quán sát, khởi tác dụng biến hóa, gọi là trí Thành sự, trước, sau khởi riêng, không trái lý. Đồng với phần thể dụng, cũng đều không có lỗi.

Thứ đến là đều có: nghĩa là biến tha thọ dụng, gọi là trí bình đẳng; khởi biến hóa, gọi là trí thành sự. Đức Phật thường ở trong định, tánh của năm thức là tán, mười lăm giới trước ở Phật chẳng phải có. Mặc dù chuyển năm thức được trí thành sự, nhưng thể của trí thành sự chẳng phải năm thức, như chuyển sinh tử, nói là được Niết-bàn, nhưng Niết-bàn kia chẳng thuộc về năm uẩn.

3- Có nghĩa: Thân cõi công đức của Như Lai, như thích ứng gồm thân trong uẩn, xứ, giới, ba thứ đó đều chung cho hữu lậu, vô lậu, cho đến nói rộng.

Trong thuyết này, lược có bốn nghĩa:

1- Có nghĩa: Duy Thức, Phật Địa đều lập ra thuyết này: “Pháp giới thanh tịnh là thân tự tánh. Kinh Phật Địa chép: “Chân như thanh tịnh là thân tự tánh”. Thuyết trí thù thắng trong luận Nhiếp Đại thừa chép: “Chuyển thức A-lại-da, được thân tự tánh”.

Luận Trang nghiêm chép: “Vì chuyển thức thứ tám được trí Viên cảnh, nên hợp hai pháp làm thân tự tánh. Trí Bình đẳng tánh, trí Diệu quán sát là thân thọ dụng”. Luận Trang nghiêm chép: “trí Bình đẳng

tánh đối với cõi nước thuần tịnh, vì các Bồ-tát hiện thân Phật, nên nói trí quán sát trong hội Đại tập, nói pháp, dứt nghi vì hiện tự tại. Đây là biểu thị rõ hai trí là tha thọ dụng”. Luận Trang Nghiêm lại nói: “Chuyển các chuyển thức được thân thọ dụng, ở đây chỉ rõ hai trí là tự thọ dụng. Trí Thành sở tác là thân biến hóa”. Kinh Phật Địa chép: “trí Thành sở tác, ở các cõi nước trong mười phương, hiện vô lượng thứ biến hóa khó suy nghĩ. Và, trí thù thắng gồm thâu đủ ba thân, nên biết ba thân đều có thật trí”.

Nghĩa này không hợp. Kinh Phật Địa chép: “Pháp giới thanh tịnh là thân tự tánh, chư Phật có chung, là tự tánh thường. Đối với phần trong Thập Địa đều chứng đắc. Nếu trí viên cảnh là tự tánh thân, thì sẽ không có nghĩa này”.

Kinh Kim Quang Minh chép: “Như như, trí như như đều gọi là pháp thân. Nếu đức hữu vi vốn nói trí viên cảnh là pháp thân, thì lẽ ra đồng với phẩm Bốn thật trí của kinh kia, đều là pháp thân. Lại, nói chuyển đổi các chuyển thức được thân thọ dụng, nếu trí thành thật chẳng phải thọ dụng, thì lẽ ra chẳng phải chuyển thức. Nếu trí thành sự là biến hóa, thì kinh Giải Thâm Mật hỏi: “Thân biến hóa có tâm hay là không có tâm?” Kinh lẽ ra quyết định đáp: “Hóa thân có tâm, nói năm thức của Phật là thân này, sao kinh nói: “Không được nói có tâm, vì không có tâm tự nương tựa, nên chẳng được nói không có tâm, vì có nương tựa tâm người, do thể của hóa thân này chẳng phải thật trí. Nhưng quán thân Phật, về lý, sự có khác, đức thô, tế khác nhau, thể một mà dụng khác, nói riêng là ba, đâu chia bốn trí đều riêng thành phần”.

2- Có nghĩa: “Thành Duy Thức chép: Pháp giới thanh tịnh là thân tự tánh”. Luận Trang Nghiêm v.v... chép: “Thân tự tánh, là bốn tánh thường”, nên luận Tán Phật chép: ‘ Vì thân tự tánh của Phật chẳng có sinh, diệt”. Luận Vô Trước Kim Cương Bát-nhã nói: “Thọ trì, giảng nói công đức của kinh kia, vì đối với pháp thân Phật, làm nhân chứng đắc; đối với hai thân, làm nhân sinh khởi, nên kinh kia nói: “Pháp của tất cả chư Phật đều xuất phát từ kinh này, tất cả Như Lai từ kinh này sinh ra”. Các kinh, luận nói: “Chuyển y cuối cùng dùng làm pháp thân, vì chuyển y tức là chân như thanh tịnh, nên biết dùng pháp thân, pháp giới làm tánh, nhưng nói chuyển bỏ tạng thức được, nghĩa là do chuyển diệt hai chướng thô nặng trong thức thứ tám, chứng đắc chân như, làm rạn vỡ pháp thân. Nói pháp thân trong trí cao siêu, là y chỉ của trí kia, vì tánh thật của pháp thân kia, nên thật chẳng thuộc về trí”.

Thân thọ dụng có hai:

1- Tự thọ dụng.

2- Tha thọ dụng.

Công đức chân thật trong phẩm Tứ trí; sắc thân thường khắp, đối tượng khởi các Cảnh trí, là tự thọ dụng. Trí Đại viên Cảnh đã nói trong Luận Trang Nghiêm là Phật thọ dụng. Nhiếp Đại Thừa chép: “Chuyển các chuyển thức thì được thọ dụng, vì chuyển tạng thức, thì thật được thọ dụng”. Trong Nhiếp Đại Thừa, do nói chuyển thức kia, vì làm sáng tỏ pháp thân, nên đối với được thọ dụng, lược bỏ không nói. Đã nói pháp thân vô sinh, vô diệt, chỉ chứng nhân được, chẳng phải sắc, tâm, v.v... Phẩm Viên Cảnh trí mâu thuẫn với pháp thân này. Nếu chẳng phải thọ dụng thì thuộc về thân nào? Thân thọ dụng này vì gồm thâu đức thật, hữu vi không chung của Phật, nên phẩm Tứ trí thật sự có sắc, tâm, đều tự thọ dụng. Đối tượng hiện của phẩm Bình đẳng trí là tha thọ dụng của thân Phật. Đối tượng hiện của phẩm Thành Sự Trí là tùy các thứ thân tướng làm thân biến hóa. Dù nói hóa thân thuộc về Trí thù thắng, mà giống với hiện trí. Hoặc đối tượng khởi của trí, thuyết kia nói danh của trí, thể thật chẳng phải trí, chỉ nói trí bình đẳng hay hiện thọ dụng. Trí Thành Sở tác hiện hóa thân ba nghiệp, chẳng nói hai thân, tức là hai trí, nên hai thật trí thuộc về tự thọ dụng. Hai tướng đối tượng hiện, nói là hai thân, dù hai thân này đều là tướng của bốn trí. Đối tượng hiện của bốn trí là bậc Thánh Thập địa; đối tượng hiện của ba thừa trước địa, với tướng thân thô, tế có khác, phân biệt thành hai thân. Nhưng hiện thân của trí Bình đẳng tương tự với bình đẳng vô ngã, biểu thị rõ pháp lạc tăng thêm, khiến cho tha thọ dụng chỉ nói thân Phật, đối tượng hiện bình đẳng là tha thọ dụng. Trí Thành sở tác hiện hóa ba nghiệp tăng thêm, chỉ nói thân, tướng mà trí Thành sự đã hiện là thân biến hóa, nên chẳng trái với lý.

3- Có nghĩa: Kinh Kim Quang Minh quyển 1 chép: “Thế nào là Bồ-tát rõ biết hóa thân? Đây người thiện nam! Thuở xưa, Như Lai ở địa vị tu hành, vì các chúng sinh, tu các thứ pháp, cuối cùng tu hành viên mãn, cho đến nói rộng”, thuận theo ý chúng sinh và thuận theo giới hạn hành động, không quá thời lượng, cho đến hiện các thứ tướng thân, đó gọi là hóa thân. Đây người thiện nam! Các Đức Như Lai này vì các Bồ-tát được thông đạt, nên nói đối với chân đế, cho đến nói rộng, vì vô biên pháp Phật làm gốc. Như Lai tương ứng với như như; trí như như vì nguyện lực, nên là thân được hiện, đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, có vầng ánh sáng tròn sau ót, đó gọi là Ứng thân. Đây người thiện nam! Vì muốn diệt trừ tất cả các chướng phiền não; vì muốn đầy

đủ tất cả các pháp lành, nên chỉ nói như như, trí như như, đó gọi là Pháp thân. Hai thứ thân trước là giả gọi mà có, thân thứ ba này gọi là thật có. Vì hai thân trước tạo ra gốc. Do lia pháp như như, lia trí vô phân biệt, nên tất cả chư Phật không có pháp riêng. Vì sao? Vì tất cả chư Phật, trí tuệ đầy đủ, tất cả phiền não cuối cùng đã dứt hết, nên được thanh tịnh, là Phật địa. Cho nên pháp như như, trí như như gồm thấu tất cả Phật, pháp.

Ý Kinh Kim Quang Minh chép: “Pháp giới thanh tịnh, và phẩm Tứ trí, công đức hữu vi, vô vi chân thật của sắc thân thường, khắp, gọi là Pháp thân, vì gốc của công đức hữu vi, vô vi. Như Lai tương ứng với như như, vì nguyện lực của trí như như, nên hiện ra tướng tốt đẹp, có vầng ánh sáng tròn phía sau ót. Vì Ba thừa trước địa và Bồ-tát Thập địa mà hiện thân gọi là Ứng thân; vì hóa độ Ba thừa mà hiện thân Phật và thân tha thọ dụng của Hóa Thập Địa, đều gọi là Ứng thân. Vì hiện thân Phật để đáp lại cơ nghi của người khác, nên tu hạnh nguyện mãn, không chờ đợi thời gian, nơi chốn, thuận theo các loại chúng sinh, hiện thân trong năm đường, đây gọi là Hoá thân, không hiện thân Phật, mà vì biến hóa. Hóa thân năm đường trong Kinh Phật Địa cũng thuộc Hóa thân, phần nhiều hiện thân thông vì sự biến hóa, nên thân tha thọ dụng, cũng gọi là ứng thân. Thân tự thọ dụng, tự thọ pháp lạc, không phải ứng với cơ nghi mà hiện rõ; thân tha thọ dụng, có khả năng khiến Bồ-tát tiếp nhận niềm vui pháp. Tự, tha đều khác, nhưng tiếp nhận thú vui không khác, gọi chung là thọ dụng.

Thân tự thọ dụng dù là cơ bản của pháp công đức hữu vi, nhưng chẳng phải Phật có chung, mà đều là thể riêng, chẳng phải chân tánh của pháp, chẳng phải thân tự tánh, chẳng phải là gốc công đức của cõi vô vi, không gọi là pháp thân, so với Kinh Kim Quang Minh đều y cứ vào một nghĩa nên cũng không trái nhau.

4- Có nghĩa: Luận Phật Địa chép: “Pháp giới thanh tịnh là thân tự tánh. Tự tánh của bốn trí, tương ứng với công đức chân thật của sắc thân thường khắp chung có, là thân tự thọ dụng, vì đã tu thành trong ba vô số kiếp. Luận Bát-nhã quyển thượng của Thiên Thân chép: “Cũng gọi là báo Phật, đây là đối tượng hiện của Bồ-tát Thập địa. Tướng tế của một phần là tha thọ dụng. Vì các Bồ-tát thọ pháp lạc. Nếu vì hữu tình của ba thừa mà hiện tướng thô của một phần là thân biến hóa, thì Ba thừa Địa tiền, lẽ ra phải thấy thô, chẳng phải công đức chân thật do tu thành, chỉ là tác dụng biến hóa. Nhưng hai thân này đều do tướng bốn trí đã hóa độ hữu tình, thích nghi thấy phần thô, tế thành hai loại. Ba thừa Địa

tiền chỉ dựa vào tác dụng biến hóa, phát tâm tu hành mà chưa chứng pháp lạc rộng lớn, nên hóa thân này không gọi là Thọ dụng. Trong sáu nghĩa này, nghĩa lý của ba thuyết đầu tiên kia trái nhau, như luận tự biểu thị rõ nghĩa thứ tư kia với thuyết thứ sáu, văn dù chi tiết hơi khác, nhưng hai lý không trái. Trong thuyết thứ tư, thuận theo hai trí tăng, nói là thuộc về hai thân, chẳng phải nói hai thân chỉ hai trí hiện, vừa quán nghĩa riêng của văn, thật sự không khác, về nghĩa lý văn kinh thứ năm không có sai lầm. Do sự khen, chê này dù trở thành sáu thuyết, nhưng ba lý không có lầm.

- **Thứ ba, là khai, hợp, phế, lập:** Trong các kinh, luận, hoặc gọi chung là Nhất Phật bảo, ba thứ giác tánh, giác tướng, giác dụng, vì đồng với giác mãn, nên gọi chung là Phật.

Kinh Niết-bàn, v.v... chỉ nói vì chân thể của Tam bảo đồng, nên nói một pháp thân, hoặc nói là hai.

Luận Bảo Tánh quyển ba chép: “Có hai thứ pháp thân:

- 1- Thân pháp giới vắng lặng.
- 2- Được thân của nhân pháp giới kia.

Cái gọi là nói pháp, vì tập khí kia, nên một thô, hai tế. Do dựa vào pháp giới, vì các Bồ-tát, nói pháp sâu kín; vì y cứ vào chân đế mà nói, nên gọi là Tế. Nếu nói Khế kinh và các thứ khác nhau của ứng tụng, v.v... Dựa vào Thế đế nói gọi là Thô, đều dựa vào pháp thân và do thuyết này sẽ được pháp thân. Vì nhân của hai pháp thân, nên cũng gọi là pháp thân, tức tác dụng mà hai thân khác đã khởi, đồng với Duy Thức nói ở Đại Mâu-ni gọi là pháp thân.

Luận Phật Địa lại chép:

- 1- Sinh thân.
- 2- Pháp thân.

Thật báo tự tánh, đều gọi là Pháp thân, vì công đức Phật, nên đối tượng y chỉ của các pháp công đức, vì các pháp công đức đã nhóm họp thành, nên người khác thọ hóa thân đều gọi là sinh thân, vì thuận theo cơ nghi của hữu tình, mà hiện thọ sinh. Luận Phật Địa lại nói:

- 1- Phật thế tục, tức thân biến hóa.
- 2- Phật Thắng nghĩa tức thân pháp, báo.

Trước thuận theo ý thua kém, vì hiện tướng thô; sau thuận theo tâm vượt hơn, hoặc hiện tướng tế, hoặc là thể Phật, nên luận Bát-nhã của Thiên Thân chép:

- 1- Chân Phật.

2- Chẳng phải chân Phật. Đầu tiên là pháp thân; hai thân còn lại, vì gốc, ngọn khác; Du-già quyển 78 v.v... cũng nói có hai:

1- Pháp thân.

2- Thân giải thoát.

Mạn-thù-thất-lợi bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Thinh Văn, Độc giác đã được chuyển y, có được gọi pháp thân hay không?”

Này người thiện nam! Không gọi pháp thân, mà gọi là thân giải thoát. Vì thân giải thoát nên nói hai thừa kia bình đẳng với Phật. Vì pháp thân nên nói có khác nhau.

Đây là nói Bồ-đề, Niết-bàn, hai quả chuyển y của Nhị thừa, đều gọi là thân giải thoát, vì đã lìa sự ràng buộc của phiền não chướng, nên Như Lai đã được hai quả chuyển y: Bồ-đề, Niết-bàn, gọi chung là Pháp thân, vì đối tượng nương tựa vượt hơn: vô lượng công đức.

Thanh Duy Thức chép: “Thân giải thoát, yên vui, đại Mâu-ni gọi là pháp. Hoặc nói là ba, Kinh Kim Quang Minh nói:

1- Hóa thân.

2- Ứng thân.

3- Pháp thân”.

Tức trong kinh Kim Quang Minh có bảy lần lại nữa, nói ba lý do:

1- Y cứ thân ứng, hóa, nói Niết-bàn Hữu dư. Thân của đối tượng hiện, giống với khổ đế, vì hữu dư y; y cứ vào pháp thân sau, nói là Niết-bàn vô dư, tất cả y khác rớt ráo cùng tận.

2- Y cứ vào ba thân nói Niết-bàn vô trụ; Hai thân không thật, niệm niệm không dừng, thường thường xuất hiện, vì không nhất định, nên không trụ Niết-bàn, pháp thân chân thật, lìa tướng, vắng lặng, không hề xuất hiện, vì thường định, nên không trụ sinh tử.

Trong hai nghĩa trước, nói Hữu dư y không trụ Niết-bàn, chia ra thân ứng hóa, do trụ vô dư y và không ở trong sinh tử, vì có hai pháp như như, trí như như, nên cũng chia làm hai, nhưng pháp trí đó chỉ là gốc của pháp công đức, gọi chung là pháp thân, đây là loại sinh hiện ba tướng: Phật, phi Phật khác nhau, chia làm ba ứng hóa, nghĩa là tất cả phàm phu vì là ba tướng, nên có ràng buộc, có chướng, xa lìa ba thân. Vì trái với ba tánh kia, nên chỉ nói ba thân.

1- Tướng tư duy phân biệt: Nghĩa là biến kế sở chấp tướng hai pháp, hai ngã, vì hiện đương tình, nên xa lìa hóa thân.

2- Tướng Y tha khởi: Hiện tướng tạp nhiễm chủ thể nhận lấy, đối tượng nhận lấy, xa lìa ứng thân.

3- Tướng thành tựu: Đối với chân lý, vì trí chưa dứt tướng, nên xa



liã pháp thân. Như thứ lớp của các tướng như thế, vì không thể hiểu, vì không thể diệt, vì không thể tịnh, nên không đến ba thân. Nếu đối với ba tướng, có thể hiểu, diệt, tịnh, thì sẽ đầy đủ ba thân.

Phàm phu chưa thể nhỏ bỏ ba tâm, xa liã ba thân:

- 1- Tâm khởi sự.
- 2- Tâm dựa vào căn bản.
- 3- Tâm căn bản.

Y cứ vào các đạo chế phục, tâm khởi sự cùng tận, vì tâm khởi sự diệt, nên được hóa thân sáng tỏ. Đây là nói kiến tu, tu các tâm tương ứng của tất cả phiền não, gọi là tâm khởi sự, phát sinh các nghiệp và vì các quả nên gọi là tâm khởi sự. Vì gốc sinh tử, nên chướng ngại thân tùy loại, phải tu đạo để hàng phục, tâm khởi sự cùng tận, vì tâm khởi các sự diệt, nên được biểu dương sáng tỏ hóa thân tùy loại; tâm tương ứng với nghiệp thiện, bất thiện, gọi là dựa vào tâm căn bản, nghiệp là thu hướng sự sinh, vì gốc của đối tượng nương tựa. Nếu tu Thánh đạo, ấy là dứt trừ các nghiệp, nên nói dựa vào các đạo đoạn, dựa vào tâm căn bản cùng tận, vì dựa vào tâm căn bản diệt nên được thể hiện rõ ứng thân Phật; tâm tương ứng với quả khổ ba hữu, gọi là tâm căn bản. Vì tánh tự thể căn bản sinh tử, nên đạo vô lậu viên mãn; trí hai không viên mãn, quả khổ căn bản hữu lậu mới diệt, nên nói y cứ vào đạo cứu vượt vượt hơn, tâm căn bản cùng tận. Vì tâm căn bản diệt, nên được đến Như như, pháp thân của trí như như.

Ý kinh Kim Quang Minh chép: “Người phiền não lừng lẫy, không ăn năn diệt, không thấy hóa thân tùy loại của năm đường. Nếu người ăn năn diệt, thì sẽ được thấy hóa thân. Dù người ăn năn nghiệp phiền não lừng lẫy, nhưng chẳng thấy ứng thân; người dứt nghiệp ác, thì thấy ứng thân Phật. Quả khổ của hai thứ chết, chưa có phần; kẻ chưa hoàn toàn dứt trừ, thì không thấy pháp thân. Nếu có phần, hoàn toàn trừ, thì tùy thuộc thích ứng, sẽ được thấy pháp thân Phật. Do từng phần hoặc hoàn toàn có thể thành hai trí, là chứng hai lý”.

5- Tất cả chư Phật, đối với thân thứ nhất, sự đồng với chư Phật, đều thuận theo loại chúng sinh, vì đồng có thể hiện sự biến hóa kia, sao cho chiết phục được “hoặc”. Đối với thân thứ hai, ý đồng với chư Phật, đồng hiện thân Phật, khiến cho người ba thừa tùy thuộc thích ứng, nhập đạo dứt các nghiệp đối với thân thứ ba, thể đồng với chư Phật, thể của các công đức hữu vi, vô vi, vì tất cả chư Phật đồng nhau không khác.

6- Vì chướng phiền não thanh tịnh, nên có thể hiện ứng thân; vì nghiệp chướng thanh tịnh, nên có thể hiện hóa thân; vì trí chướng tịnh

thanh tịnh nên có thể hiện pháp thân.

7- Ví như dựa vào khoảng không, phát ra điện năng; dựa vào điện năng, phát ra ánh sáng. Như thế, vì nương tựa pháp thân, nên phát ra ứng thân; vì nương tựa ứng thân, nên phát ra hóa thân. Cho nên, tánh thanh tịnh cùng cực, nhiếp thọ pháp thân; trí tuệ thanh tịnh, nhiếp thọ ứng thân; tam muội thanh tịnh, nhiếp thọ hóa thân.

Nay giúp đỡ nghĩa giải thoát, lại có bốn cách giải nhằm quán thân của Phật, nên chỉ nói hai:

1- Tự chân đức nội tại, tức như như, trí như như gọi chung là pháp thân.

2- Vì đối tượng hóa sinh đáp lại cơ nghi mà hiện, gọi chung là ứng thân, nhưng đối tượng hóa sinh, người có cơ nghi thấy thân Phật mà nhập đạo; người không có cơ nghi thấy tiền ẩn thọ hóa, nên chia làm hai thứ gọi là ứng, hóa hợp thành ba thân. Lại quán ý kinh kia, nên nói bốn thân như gọi tự tánh; trí như như gọi là Báo thân, vì lý, sự riêng, vì thật tánh pháp, vì nhân tu sinh, vì đem lại lợi ích cho người khác, nên hiện hai thân, như trước đã nói. Nhưng vì nghĩa chân đức đồng với lý trí thâm hợp; lợi mình không có tự tánh riêng. Báo thân gọi chung là pháp thân. Đức giả khác nhau, thuận theo cơ duyên hiện khác, ẩn, hiển lợi tha, chia thành ứng, hóa, nên thành ba Phật không bớt, không thêm.

3- Lại, phẩm Chư chương, lược có hai loại:

1- Phẩm phiền não chương.

2- Phẩm sở tri chương.

Vì muốn chế phục, diệt trừ hiện hạnh của hai chương phẩm, nên hiện rõ hóa thân. Vì muốn dứt trừ hạt giống của phẩm hai chương, nên thể hiện rõ ứng thân. Vì muốn diệt hẳn tập khí của phẩm hai chương, nên làm sáng rõ pháp thân.

Có ba kia, nghĩa là không đến ba thân. Vì dứt ba chương nên Đức Phật hiện ba thân.

4- Lại, y cứ kinh Kim Quang Minh chép: “Nhập địa Như Lai: Vì ba thứ tịnh, nên được thanh tịnh cùng tột”:

1- Thanh tịnh phiền não, khởi lên hóa thân, do không có đấu tranh, vì tùy theo loại hóa độ.

2- Thanh tịnh các khổ, khởi lên ứng thân, do lìa biết các khổ hiện Đẳng giác.

3- Tướng tịnh làm sáng tỏ pháp thân, lìa chủ thể, đối tượng chấp, vì chứng lý trí.

Trước hai, hoặc chương, sau, một trí chương. Kinh Phật địa, v.v...

nói ba thân: lược có bốn giải thích:

1- Do xưa, hữu tình quán cảnh luống dối, tâm thường mê tối, khởi nghiệp chịu khổ. Vì trái với kinh kia, nên nói thân sơ nhị, một trái với vọng, làm sáng tỏ chân.

2- Trái với ngu thành trí; cảnh chân lìa triền, gọi là Pháp thân, thật trí lìa sự tối tăm gọi là thân thọ dụng, lý trí khó lường, chẳng phải sơ lược mà biết được, mới vì hữu tình, thể hiện lý trí thô, gọi là thân biến hóa, khiến trước biết thô, sau chứng tế. 2/ Phẩm phiền não chương làm chương Niết-bàn, tức Niết-bàn này vì cũng gọi là pháp thân, nên kinh Thắng-man chép: “Nhất thừa tức Đại thừa. Đại thừa tức Phật tánh. Phật tánh tức Pháp thân. Pháp thân tức cõi Niết-bàn; tánh phiền não ràng buộc; tánh Niết-bàn giải thoát, vì tánh trái nhau nên dứt, được pháp thân. Phẩm Sở tri chương, chương thân thọ dụng, trừ vô minh tăng thêm, mới là thật trí, ngu trí trái nhau, đoạn chương sở tri, được thân thọ dụng. Nhân thọ dụng này cũng gọi là Bồ-đề”. Bồ-tát Địa chép: “Bồ-đề, Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề. Vì khiến cho ba thừa được hai thứ này mới làm sáng tỏ hóa thân.

3- Đức Phật có ba đức. Nghĩa là trí, đoạn, ân. Vì thể hiện rõ ba pháp này, nên nói ba thân pháp, báo và hóa.

4- Quả do tu thành ... Lược có hai thứ:

1- Pháp thân ngôn thuyết, tức giáo Bát-nhã.

2- Tướng trí đến được pháp thân, tức trí Bồ-đề.

3- Tướng phước đến được pháp thân, trừ trí, quả thí v.v... khác.

Định khác, việc lành khác, ý luận kia nói: “Do Hóa thân lắng nghe ngôn giáo, vì nhân của pháp thân ngôn thuyết, nên sẽ thành quả Phật, sẽ sinh hai thứ pháp thân: phước và trí. Ba trụ xứ này tức pháp thân chân như của lý vô tướng; quả thân của nhân trước, đều nương dựa vào thân này mới được chứng đắc. Mặc dù luận kia cũng nói thể hóa thân, trụ xứ của sắc thân.

Kinh nói: “Không thể dùng tướng đầy đủ mà được thấy Như Lai, ngăn phá sắc thân, chẳng phải chân thể của Phật, nên ở đây không nói, vì không ngăn chận pháp báo, nên nói có ba”. Kinh Thắng-man chép: “Sắc thân, v.v... mâu nhiệm của Như Lai, tức là Hóa Phật. Sắc Như Lai vô tận, v.v... tức Phật thọ dụng. Tất cả pháp thường trụ tức là Phật pháp, đồng với nghĩa ba Phật của Luận Bát-nhã, v.v... của Bồ-tát Thiên Thân, nên ở đây không nói”. Phẩm Thọ lượng Kinh Pháp Hoa, giải thích: “Xuất hiện cung vua họ Thích là Hóa thân, thành Phật đến nay, thật sự vô lượng kiếp là báo thân. Biết như thật, thấy tướng của ba

cõi là pháp thân, cũng vì đồng với luận kia, nên không nói riêng. Hoặc nói bốn thân”.

Kinh Lăng Già nói:

- 1- Phật ứng, hóa.
- 2- Phật công đức.
- 3- Phật trí tuệ.
- 4- Phật Như như.

Đầu tiên là hóa thân. Tiếp theo là thân thọ dụng, vì phước tuệ khác, nên chia thành hai thứ; sau là pháp thân. Kinh Kim Quang Minh cũng nói có bốn, có Hóa thân, chẳng phải ứng thân. Như Lai đã bát Niết-bàn, vì do nguyện lực tự tại.

Thân như thế tức là hóa thân. Đây là nói Như Lai dù bát Niết-bàn, nhưng do nguyện tự tại nên biến hiện thân rỗng, quý v.v..., vì thuộc về thứ, chẳng phải hiện thân Phật nên gọi là hóa, không phải ứng. Có ứng thân chẳng phải hóa thân là thân Địa tiền, tức ứng thân trước, chỉ vì các Bồ-tát v.v... trước địa đã hiện thân Phật, dựa vào định mà khởi, vì hiện thân Phật chẳng thuộc về năm thứ nên gọi là Ứng, không phải hóa. Trong bốn gốc lành đã thấy đại thiên ứng thân Phật.

3- Vừa là ứng thân vừa là hóa thân, trụ Niết-bàn hữu dư. Thân Như Lai, gọi là vì vị bốn mươi tâm của Nhị thừa đã hiện thân Phật, hiện tướng tu thành, dựa vào tam-muội khởi, vì hiện hình tướng Phật nên gọi là Ứng, hiện người đồng loại có các khổ, v.v... cũng gọi là Hóa.

4- Chẳng phải ứng, chẳng phải hóa thân là Pháp thân Phật. Xét văn kinh này, ba thân trước là hóa, sau là pháp thân và tự thọ dụng, không nói là thân tha thọ dụng của Hóa Bồ-tát Thập địa. Về lý, cũng nhất định là ứng thân, chẳng phải hóa. Do vị Địa tiền, trong bốn gốc lành đã thấy ứng thân một chủ Đại thiên, chẳng phải là loại thứ, là ứng chẳng phải hóa; thân tha thọ dụng cũng thuộc về câu này. Nêu lên đầu tiên rõ ràng, sau lược bỏ không nói. Nếu không như vậy, thì thân thọ dụng kia sẽ thuộc về câu nào? Trong hóa không có ứng, chỉ nói Như Lai đã bát Niết-bàn, nguyện lực đã thể hiện, không nói là Phật ở hóa thân đã hiện, chủ ở khởi hóa dễ dàng có thể biết; chủ không có hóa khởi, vì khó mà nói, tức kinh kia chép: “Thân thứ nhất này dựa vào ứng thân rõ ràng; thân thứ hai này dựa vào pháp thân rõ ràng; pháp thân chân thật không có chỗ dựa”.

Đã nói hóa thân dựa vào ứng thân mà sáng tỏ, vì không có ứng khởi hóa nên nói là khó.

Trong luận Phật Địa cũng có bốn thứ:

1- Thọ dụng chẳng phải biến hóa, nghĩa là thân thọ dụng thật của phần lợi mình.

2- Biến hóa chẳng phải thọ dụng. Nghĩa là thân biến hóa là hóa Địa Tiên vì sinh loại tạp nhập, hoặc thô, hoặc tinh, hoặc khiến vui mừng, hoặc khiến sợ hãi, đổi thay không nhất định, chỉ gọi là biến hóa, không gọi là thọ dụng, vì không cần khiến thọ hiện pháp lạc.

3- Vừa thọ dụng, vừa biến hóa. Nghĩa là làm các thứ hóa thân mà Bồ-tát Thượng địa đã hiện, khiến các Bồ-tát vì thọ pháp lạc, nên tùy thuộc vào thời gian thay đổi, vì không quyết định.

4- Chẳng phải thọ dụng, chẳng phải biến hóa, nghĩa là thân tự tánh. Lại, Kinh Hoa Nghiêm nói: “Có mười loại Phật”:

1- Phật Vô Trước, vì an trụ thế gian, nên thành Chánh giác. Trong luận Phật Địa cũng nói mười loại Phật, kinh ấy gọi Phật Đẳng giác.

2- Phật nguyện, vì nguyện sinh ra, kinh ấy gọi là Phật thế nguyện rộng lớn.

3- Phật nghiệp báo, vì tín thành tựu, nên các hành đều do tín sinh khởi đầu tiên. Cho nên, nói nghiêng lệch. Kinh kia gọi Phật Nghiệp dị thực.

4- Phật Trì: Thuận theo thế gian không để dứt mất, nên kinh ấy gọi là Phật trụ trì.

5- Phật Niết-bàn, vì thị hiện Niết-bàn, nên luận Phật Địa gọi là Phật biến hóa.

6- Phật pháp giới: vì ở tất cả mọi nơi đều hiện.

7- Phật tâm, vì khéo an trụ, nên hai danh đồng với Phật pháp giới kia.

8- Phật tam-muội, thành tựu vô lượng công đức, vì không có đối tượng chấp mắc, nên kinh ấy gọi là Phật định.

9- Phật tánh: Vì khéo quyết định, nên kinh ấy gọi là Phật bản tánh.

10- Phật như ý: vì che khắp, nên kinh ấy nói là Phật tùy nạo. Năm thân trước thuộc về thế tục, năm thân sau thuộc về thắng nghĩa, thuận theo đối tượng thích ứng thuộc về ba thân. Năm thế tục: thuộc về thân biến hóa pháp giới. Trong năm Thắng nghĩa thuộc về pháp thân, bản tánh. Ba thọ dụng khác, thể hiện thành Chánh giác trong biến hóa, thị hiện bát Niết-bàn lập đầu tiên và thân thứ năm thị hiện tu chánh hạnh và phát nguyện hỗ trợ mà được quả thù thắng. Lập thứ hai, thứ ba, hình tượng sau bát Niết-bàn, vì Xá-lợi trụ trì không dứt, nên lập thân thứ tư. vì Hóa Phật tăng theo, nên lập năm thân này. Gốc của pháp công

đức ở trong pháp thân và bản tánh của ba thân, nhân thành pháp giới và Phật bản tánh, thân tự thọ dụng khác với thức thể gian và khởi công đức, chia thành Phật tâm và Phật định, thân tha thọ dụng gọi Phật tùy nạo, nên dù ba thân mà chia thành mười thứ”.

Kinh Đại Bát-nhã quyển 568 lại nói mười thân:

- 1- Thân bình đẳng.
- 2- Thân thanh tịnh.
- 3- Thân Vô tận.
- 4- Thân khéo tu.
- 5- Thân pháp tánh.
- 6- Thân lia tâm, từ.
- 7- Thân không suy nghĩ, bàn luận.
- 8- Thân vắng lặng.
- 9- Thân hư không.
- 10- Thân trí mẫu.

Phật bảo Tối Thắng: trong Sơ địa, được thân bình đẳng, thông qua đạt pháp tánh, lia các kiến chấp tà vạy, vì bình đẳng. Trong địa thứ hai, được thân thanh tịnh lia lỗi phạm giới, vì giới thanh tịnh. Trong địa thứ ba, được thân vô tận, lia tham dục giận hờn vì được định vượt hơn. Trong địa thứ tư, được khéo tu thân, thường siêng tu tập phần Bồ-đề. Trong địa thứ năm, được thân pháp tánh, quán các đế lý, chứng pháp tánh.

Trong địa thứ sáu được lia thân tâm, từ, quán lý duyên khởi, vì lia tâm, từ.

Trong địa thứ bảy, được thân không suy nghĩ, bàn luận, phương tiện khéo léo, vì trí hạnh mãn.

Trong địa thứ tám, được thân vắng lặng; lia các phiền não, vì lời nói riêng.

Trong địa thứ chín, được thân hư không, tướng thân vô tận, vì khắp tất cả.

Trong địa thứ mười, được thân diệu trí vì trí nhất thiết chủng tu viên mãn, nên Tối Thắng bạch rằng: “Thân Phật, Bồ-tát chẳng lẽ có khác nhau? Phật bảo Tối Thắng! Thân không có khác nhau, nhưng công đức có khác, vì tất cả pháp đồng một pháp tánh, nên thân không có riêng. Công đức khác: Đức Phật có đủ công đức; Bồ-tát không như vậy”.

Vì như hạt ngọc báu, nếu trang sức đủ, hoặc trang sức không đủ, ngọc báu kia không có khác, nói rộng thí dụ. Thuyết kia nói: “Pháp thân đã chứng, không có riêng khác, nhưng công đức, chủ thể chứng, thân trí

có khác. Phật thì không như vậy. Thân của chủ thể chứng cũng không có khác nhau. Nay, mười thân này thuộc về pháp thân, tùy thuộc đức, chủ thể chứng của mười địa kia khác nhau, mà nói có mười thứ. Mặc dù không có văn nào, nhưng báo thân của Bồ-tát cũng có mười thứ, nhưng ứng vật hóa thân, về lý cũng có mười Dụng, đức đã khác thì tên gọi lẽ ra cũng khác. Y cứ vào lý đối sở chứng, vì mười pháp thân, nên gọi mười địa tức là tên báo thân. Vì phần vị pháp trí vô ngã, v.v... gọi là địa, nên Kinh Kim Quang Minh chép: “Thân Phật đầu tiên này thuận theo ý chúng sinh, vì có nhiều thứ, nên thể hiện mỗi thứ tướng, cho nên nói: Phần nhiều hiện ra khi, vượt, v.v... vì nhiều loại thân”.

Thân Phật thứ hai, vì ý của đệ tử, nên Phật hiện ra một tướng, cho nên nói là một; vì đệ tử ưa thích thấy hiện thân Phật. Thân Phật thứ ba vượt qua tất cả các thứ tướng, vì chẳng phải cảnh giới chấp tướng, nên nói không phải một, không phải hai; vì số một, hai, v.v... đều chấp tướng. Lại, như như không hai, trí như như không là một, cho nên, pháp thân không hai, không một.

- *Thứ tư là do khởi tướng quả*: Nhiếp Đại thừa v.v... nói một thứ nhân, quyển 6 luận ấy chép: “Nhập tướng Sở tri nên thấy ra sao? Huân tập học rộng đối tượng nương tựa! Chẳng phải thuộc về thức A-lại-da, v.v...”. Lại nói: “Từ đâu để nhập? Vì năng lực gốc lành đã được gìn giữ, cho đến nói rộng”.

Huân tập học rộng, là tánh hạt giống của tâm xuất thế, đây là nói: Đầu tiên tu bốn hạnh vượt hơn”.

- 1- Gần gũi người lành, dùng làm duyên vượt hơn.
- 2- Lắng nghe chánh pháp.
- 3- Tư duy đúng lý.
- 4- Đúng như lời dạy tu hành.

Ba thứ sau là hạnh trong, hạnh trong, quan trọng là trước, huân tập học rộng, vì kẻ ít học kia không có chấp nhận được, hạt giống học rộng này, Thành Duy Thức, v.v... lược có ba cách giải thích:

1- Chỉ mới huân tập, chỉ dùng hạt giống hữu lậu làm nhân duyên sinh gần vô lậu. Trong luận Duy Thức dù đã phá rộng, nhưng luận Duy-già quyển 52, hỏi: “Nếu các các tập khí gồm thấu tất cả hạt giống lại gọi là biến hành thô, nặng thì các pháp xuất thế gian từ hạt giống sinh. Nếu nói hạt giống của tự tánh thô nặng, là hạt giống sinh, không hợp với đạo lý, nên biết hữu lậu chẳng phải là nhân duyên sinh gần của pháp vô lậu.

2- Chỉ có bản hữu, các hạt giống vô lậu chưa phát tâm trước kia, gọi là chủng tánh của tánh; phát tâm về sau, gọi là Tập chủng tánh, huân tập tác dụng kia, khiến cho chúng dần dần tăng thêm, nên kiến đạo trở xuống là văn huân hữu lậu, sinh ra hiện hạnh, vô lậu chưa khởi, cả hai nhận lấy hai pháp này, gọi là thuận giải thoát, quyết trạch phần thiện, nên Tập Tập chép: “Quyết trạch phần thiện dù tu đạo đoạn, nhưng được kiến lập làm tánh vô lậu, thuộc về đạo đế. Kiến đạo về sau, hạt giống vô lậu mới sinh hiện hạnh.

Về hai hạt giống khởi tập nhập trước địa thứ tám; thành Phật về sau, các việc lành hữu lậu và nhân vô lậu đều chuyển biến diệt, các quả vô lậu viên mãn sinh khởi, nên kinh Niết-bàn chép: “Xả sắc vô thường, thu được sắc thường; thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như thế”.

Nay, quán nghĩa của Tập Tập kia, nhận thấy chỉ có hạt giống cũ sinh hiện hạnh, đều không có hiện hạnh, lại là hạt giống mới huân tập. Trong Duy Thức cũng đủ phá rộng.

3- Hạt giống đều có hai thứ: Bản hữu mới huân tập kiến đạo trở xuống, đồng với thuyết thứ hai; kiến đạo về sau, các hạt giống bản hữu vô lậu sinh ra hiện hạnh. Các hiện hạnh mới, lại huân tập thành hạt giống mới. Lược có hai nghĩa:

1- Chuyển diệt.

2- Chuyển ngang bằng nhau.

Về nghĩa chuyển diệt: Như địa vị Đại thừa từ vô thủy đến nay, gia hạnh thắng thiện; hạt giống lành vô lậu vì chưa gặp duyên, nên đều chỉ thấy đạo phẩm hạ trở xuống, vì huân tập văn hữu lậu là duyên vượt hơn, nên giúp sức cho vô lậu phẩm hạ, dần dần khiến tăng trội hơn, đến địa vị kiến đạo sinh hiện hạnh phẩm hạ. Hiện hạnh lại huân tập hạt giống phẩm hạ. Vì kiến đạo tu tập dùng làm duyên, nên đến địa vị tu đạo; trong sát-na trước, vì hạt giống phẩm hạ của kiến đạo diệt; hạt giống trong tu đạo sinh ra, hiện hạnh trong sinh. Hiện hạnh lại huân tập hạt giống của phẩm trung. Vì tu đạo dùng tu tập làm duyên, nên đến địa vị rốt ráo. Trong sát-na trước, hạt giống vô lậu phẩm trung diệt; hạt giống vô lậu phẩm thượng trong sát-na sau sinh, vì không có đối tượng nương tựa. Vì đạo đã mãn, nên lại không huân tập vốn chỉ một phẩm; vì diệt yếu kém, sinh vượt hơn nên gọi là chuyển diệt. Về sau, vì tu tập nên đồng loại trước, không thể làm nhân đồng loại, vì dẫn sinh quả đồng loại sau, nên các hạt giống vô lậu của phẩm thượng, trung, hạ, và gia hạnh trong các vị, các chủng hữu lậu của phẩm thượng, trung, hạ thiện vượt hơn, đều nên so sánh mà biết, đến địa vị Phật, chỉ có phẩm thượng



vô lậu viên mãn. Phẩm hạ, trung vô lậu, tất cả hữu lậu đều xả, diệt, nên kinh nói vô thường như xả sắc, v.v...

Về nghĩa chuyển ngang bằng nhau: Hạt giống pháp nhĩ đều có ba phẩm; đầu tiên vì tu phẩm loại hạ, nên đến hạt giống vô lậu phẩm hạ của vị kiến đạo sinh hiện hạnh; hiện hạnh lại huân tập hạt giống phẩm hạ. Nếu không có tu tập nhậm vận phẩm hạ sinh thì vì do tu tập, nên đến hạt giống phẩm trung của vị tu đạo sinh hiện hạnh phẩm trung. Hiện hạnh lại huân tập hạt giống phẩm trung. Phẩm hạ trước cũng chuyển thành phẩm trung. Nếu không huân tập, thì nhậm vận (tự nhiên) phẩm trung sinh, vì nhờ tu tập nên đến hạt giống phẩm thượng, trung của địa vị Phật, sinh ra hiện hạnh phẩm thượng, vì đạo đã mãn, không có đối tượng huân tập, nên không còn huân tập hạt giống phẩm trung, đều chuyển thành phẩm thượng. Hạt giống phẩm hạ, trung trước không còn nối nhau vì ngang bằng nhau, trội hơn với sau, nên gọi là chuyển ngang bằng nhau, về thế kinh nói: “Bỏ các vô thường như sắc, v.v... đối với phẩm đồng của mình có thể gọi là chuyển diệt”.

Nói danh từ chuyển ngang bằng nhau. Nghĩa là đối với phẩm dị biệt của người khác, sự huân tập hạt giống học rộng này, kiến đạo trở xuống, hạt giống gần hữu lậu làm nhân duyên sinh các hiện hạnh; hiện hạnh làm nhân duyên lại huân tập thành hạt giống. Đối với pháp xuất thế khác của hạt giống vô lậu là duyên tăng thượng. Do hạt giống vô lậu được giúp đỡ, gìn giữ, nên các hạt giống hữu lậu chiêu cảm dị thực vượt hơn, không tạo nghiệp vô gián, không đọa vào cõi ác, v.v... Do pháp hữu lậu giúp đỡ vô lậu, nên sẽ sinh hiện hành vô lậu xuất thế. Kiến đạo trở lên, hạt giống vô lậu gần làm nhân. Duyên sinh hiện hành vô lậu, làm duyên tăng thượng cho pháp hữu lậu, khiến cho thiện hữu lậu cảm quả Thập Vương. Các thiện hữu lậu giúp sức vô lậu, lần lượt tăng thêm, chứng tỏ pháp ly hệ cho đến thành Phật, hữu lậu đều diệt, chỉ thuần túy vô lậu tồn tại. Các hữu thọ sinh đều dựa vào sự thị hiện; huân tập văn này, kiến đạo trở xuống, nghe nghĩa pháp tương tự, pháp lý trí xong, thường khởi suy nghĩ, cho đến tu tập Đẳng dẫn trong bốn góc lành, đến địa vị kiến đạo, hay chứng trí khởi huân tập phát ra hạt giống, đã sinh hiện trí, đã hiện tướng tốt là đối tượng chứng, nhân của thân thọ dụng; lý sáng suốt là nhân của pháp thân, nên kinh Thắng-man chép: “Đối với vô lượng tạng phiền não, đã ràng buộc tạng Như Lai, không nghi ngờ; đối với việc ra khỏi vô lượng tạng phiền não, đã ràng buộc pháp thân Như Lai cũng không có nghi ngờ, vì tu hai nhân, nên lại được hai thân: Hóa thân chỉ do đại bi huân tập, hun đúc, tu hai nhân trước, nên lại được

hai thân. Hóa thân chỉ do đại bi huân tập tu hai nhân trước sức nguyện đã khởi. Kinh Kim Quang Minh nói: “Thân thứ nhất này dựa vào ứng thân hiển bày. Thân thứ hai này dựa vào pháp thân hiển bày. Pháp thân không có y chỉ, nói là như như, vì trí như như. Tâm đại Bồ-đề dùng gốc lành làm tự thể. Gốc lành tức là tánh đại Bồ-đề”.

Luận Trí Độ chép: “Trí và xứ trí đều gọi là Bát nhã”. Bồ-tát địa nói: “Bồ-đề, Bồ-đề đoạn, đều gọi là Bồ-đề. Các gốc lành kia tức là học rộng huân tập hạt giống”. Kinh Niết-bàn, v.v... nói: “Có hai thứ nhân”:

- 1- Sinh nhân, như mầm sinh cọng.
- 2- Liễu nhân, cũng như đèn soi rọi sự vật.

Kinh Bát-nhã chép: “Tất cả pháp của chư Phật đều xuất phát từ kinh này; tất cả chư Phật đều từ kinh này sinh ra”.

Luận Thiên Thân giải thích rằng: “Ở thật là liễu nhân, cũng vừa là sinh nhân khác, chỉ riêng phước của pháp chư Phật thành thể thứ nhất. Bồ-đề gọi là thể pháp thân, thật vô vi. Trì kinh và nói, cả hai là liễu nhân. Chân như pháp thân là nhân chứng đắc, nên chẳng phải sinh của sinh nhân pháp khác, nghĩa là thọ báo tướng tốt đẹp, trang nghiêm Hóa thân Phật, tướng Phật tốt đẹp. Đây là sinh nhân, vì sinh của sinh nhân nên dù mười pháp hạnh đều có công năng làm nhân, thọ trì là lợi mình, giảng nói là lợi người. Y cứ vào mười hạnh vượt hơn, lược không nói pháp khác. Trì tụng kinh và giảng nói, chỉ gọi là nhân, nên sinh nhân có hai”:

- 1- Chánh
- 2- Giúp đỡ.

Trí hữu lậu, nói là đối với thân thọ dụng là nhân giúp đỡ xa, vì tánh trái nhau. Trì vô lậu nói là chánh nhân của Phật, vô lậu thuận nhau, vì sinh gần khởi, nên tức hai sinh nhân, chung cho hiện và chủng. Liễu nhân cũng như vậy, 1- Chánh; 2- Giúp đỡ. Trí vô phân biệt trong trí vô lậu, đối với thân tự tánh là chánh liễu nhân. Các trí hữu lậu và trí hậu đắc là liễu nhân giúp đỡ, không phải các hạt giống vì duyên không nghe. Đây là nói một nhân có thể được hai quả, đối với đồng loại của mình thì làm sinh nhân; đối với dị loại của người thì làm liễu nhân.

Hóa thân kia cũng là sinh của sinh nhân. Pháp thân ở đây kiến đạo trở xuống, vị triền phiền nào gọi là Như Lai tạng hàng Nhị thừa dù được sinh không chân như, nhưng vì chướng trí chưa dứt trừ, không phải y chỉ đức, nên không gọi là pháp thân, do thường lắng nghe, suy nghĩ, tu tập nhân bi, trí, nên Sơ địa trở lên, hai chướng dứt trừ dần, là y chỉ đức,

tức gọi là pháp thân, như trước đã dẫn kinh Bát-nhã nói: “Ở Sơ địa được thân bình đẳng, cho đến Thập địa được thân diệu trí”. Đức Thế Tôn tự nói: “Vì pháp thân này do chứng mười đức khác nhau của trí, chủ thể chứng lý kia, đủ chứng tỏ pháp thân, đối tượng chứng kia cũng có mười cho đến thành Phật, hai chướng đều hết; hai trí trọn thành, vì công đức mãn, thân sáng sạch, lý đối tượng chứng biểu hiện rõ, lại không có khác nhau, đều gọi là pháp thân, cũng thân tự tánh, như hư không xua tan sương mù v.v... che phủ, thanh thang, sáng sạch, chẳng phải hư không mới có. Pháp thân cũng vậy. Đây gọi là liễu nhân của pháp thân thành Phật, tức trước kiến đạo, do thường lắng nghe, suy nghĩ, tu tập vì nhân đại trí, nên khiến cho thế lực của hạt giống vô lậu thêm lớn. Sơ Địa trở lên, các trí vô lậu sinh ra hiện hạnh, tức là sự khác nhau của phần vị các trí này, gọi là Thập địa, nên Nhiếp Luận chép: “Phần vị của pháp vô ngã trí, gọi là địa. Sau địa này, Bồ-tát lược có hai loại: Có sợ phiền não, ấy là chiết phục, Bồ-tát kia khiến chúng đều không hiện hành. Từ sau Sơ địa, thọ thân biến dịch”. Kinh Lăng-già y cứ vào đây, chia Bồ-tát Thập địa làm ba thứ Ý sinh thân, có từ Thất địa, trong tâm sắp mãn mới thọ biến dịch”. Kinh Thắng-man y cứ vào đây, nói Vô học của Nhị thừa được tự tại. Bồ-tát vì ba thứ y sinh thân; Thất địa về trước vì không sợ hoặc, nên như trong hai thứ sinh tử nghĩa lâm nói: “Chân lý, đối tượng chứng đã gọi Mười thọ dụng, vì thọ dụng pháp lạc. Nhưng khi xưa, phàm phu đã tạo nghiệp Thập Vương. Sơ địa trở lên, thọ quả Thập Vương. Thứ 8, thân hình, đối tượng biến của năm thức. Dị thực hữu lậu, tướng tốt đẹp, thần thông, đều đầy đủ dần; Hậu đắc y cứ vào tướng này lại biến đổi cao siêu, làm thân tướng tốt đẹp, là thuộc về vô lậu, sinh về các tịnh độ, trang nghiêm đạo tràng, ở chỗ một thân làm hai loại biến đổi. Tướng kia, tương tự với người thấy, sâu kín một, gọi chung là thọ dụng”.

Sợ phiền não: Sau kiến đạo, sinh lên cõi trời Quảng quả, giúp đỡ hiện thân, nhân chuyển biến thọ biến dịch.

Không sợ hoặc: Thất địa, tâm mãn mới sinh Quảng Quả, giúp đỡ nghiệp hiện thân, chuyển thành biến dịch, như Thành Duy Thức nói đủ nghĩa này. Thọ dụng của Thập địa, so sánh đối tượng chứng của Mười địa, lẽ ra có mười danh; đồng với danh từ pháp thân, về lý cũng không sai lầm. Vì y cứ ở đức, chủ thể chứng, làm sáng tỏ pháp thân. Hoặc tên gọi Thập địa là danh của thân thọ dụng trong mười địa, vì dựa vào Bồ-tát kia để lập tên kia. Như thế, mười địa lần lượt cao quý đến địa thứ mười, khi sắp thành Phật, trên trời Tịnh cư mới có tướng hoa sen báu lớn

xuất hiện, như mười A-tăng-kỳ, một trăm ngàn Tam thiên Đại thiên thế giới, số lượng nhiều như cát bụi, Bồ-tát ngồi ở đó mà thành Chánh giác, vị của tâm Kim Cương cũng có hữu lậu, thua kém thân vô lậu. Đạo giải thoát sinh hữu lậu đều dứt, vì thua kém diệt của vô lậu, nên kinh chép: “Bồ-sắc, v.v... vô thường, bốn trí viên thành, công đức đầy đủ. Sắc thân, đối tượng biến hiện vô lậu của tám thức cũng đều vô lậu. Trí như pháp giới đầy khắp của cảnh vô lậu kia; công đức, sắc thân cũng đều như thế, nối nhau vắng lặng, cùng tận bờ mé vị lai, vì bản nguyện lợi sinh tận cùng pháp giới, nên gọi là thân tự thọ dụng, tướng thành Phật đã được sinh bởi sinh nhân, vì Kiến đạo trở xuống, đại bi đã huân tập, hun đúc, để làm nhân, vì Bồ-tát phẩm hạ của Thập địa kia, thể hiện thân tha thọ dụng, chỉ là đối tượng biến vô lậu của Hậu đắc, lần lượt vĩ đại vượt hơn, cho đến thành Phật có thể xuất hiện khắp mười phương, thuận theo đối tượng thích nghi của chúng sinh, vì chúng Thập địa, chứa nhóm chuyển dần, hiện lớn thân tha thọ dụng”.

Sơ Địa thấy Đức Phật ngồi trên hoa sen trăm cánh, có thể gọi là 100 thế giới đại thiên. Vả lại, Phật A-di-đà, mắt trong xanh như nước bốn biển; tướng sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, như năm ngọn núi Tu-di; thân cao sáu mươi muôn ức-na-do-tha Hằng hà sa do-tuần, là đối tượng của Bồ-tát Sơ địa thấy được.

Hai địa thấy Đức Phật ngồi trên cánh hoa, cho đến Thập địa đã thấy chuyển vận lớn, tha thọ dụng này dù có cha, mẹ, nhưng cũng hiện thọ sinh, không là trời của xứ trước mới giáng hạ thành Phật.

Kinh Cổ Âm Vương chép: “Phật A-di-đà cha tên Nguyệt Thượng, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan, con tên Nguyệt Minh, đệ tử thị giả tên Vô Cấu Xứng. Ma Vương tên Vô Thắng, Điều-Đạt tên là Tịch”. Luận Vô Lượng Thọ chép: “Người nữ và người căn thiếu, hạt giống nhị thừa không sinh. Đã là báo, thì cõi nước sẽ không có người nữ thật. Phật và Bồ-tát hóa làm mẹ, v.v... vì hóa thân phần đoạn, nên hiện ra tướng này. Hóa ra thân biến dịch, chưa thấy mà nói thật”. Trong Kinh Pháp Hoa nói: “Thời đại Ca-diếp sẽ thành Phật, không có việc ma; vì ma và người ma đều ủng hộ Phật pháp mà còn có tướng này, hướng chi trong cõi nước báo mà có thật việc ma. Nhưng đại Bồ-tát hóa thành ma vương, khi chướng ngại tha thọ dụng, sẽ hiện hữu”. Kinh Thọ Ký chép: “Phật A-di-đà mạng sống lâu vô lượng, trăm ngàn muôn ức kiếp, sẽ có chung cuộc. Sau diệt độ, Bồ-tát Quán Thế âm, khi mặt trời mọc, ở dưới cây Bồ-đề bảy báu, thành Đẳng Chánh giác, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Phật, tên nước là Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm, vượt

hơn cõi nước của Phật A-di-đà gấp trăm ngàn muôn ức lần, không thể so sánh! Đức Phật này diệt độ xong, Đại Thế Chí sẽ thành Phật, hiệu là Thiện Trụ công đức Bảo Vương Phật, cơ nghi của Thập địa, vì trước kia đã thuận thực, nên đã hóa độ loại kia, tức thân thành Phật, không nói trước nơi chốn nào, tầng trời nào, sau đến bổ xứ, tức dùng thân này đến ngôi tòa Bồ-đề thành Phật, là thân tha thọ dụng, được huân tập bởi đại bi, vì tướng thành Phật đã sinh bởi sinh nhân, nên trí bình đẳng, Sơ địa trở lên có khả năng thuận theo đối tượng chúng sinh ưa thích mà thị hiện, do trước Kiến đạo, đã hun đúc, huân tập đại bi. Sơ địa trở lên có khả năng thuận theo cơ nghi của ba thừa, tùy theo thân nào nên thấy mà hiện các thứ thân”.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Sơ phát tâm trong Thập trụ, trụ chủ thể hiện Chánh giác, về sau nhập Niết-bàn, hướng chi trong Thập địa không hiện tướng hóa”. Pháp Hoa, v.v... chép: “Quán Âm, Diệu Âm đều dùng thân lực, ứng với dùng Ba thừa mà người được độ, ấy là hiện thân kia để nói pháp cho nghe, nên đối với địa vị Thập địa, đều có thể thị hiện hóa thân. Thân biến hóa này và sau tha thọ dụng được đối tượng biến hóa, vốn chỉ có phẩm vô lậu, tám thức y chỉ vô lậu mà biến hóa đều chỉ có hữu lậu”.

Xứ đồng, người giống nhau, giống như một, cho đến thành Phật, hay thuận theo đối tượng cơ nghi của ba thừa mười phương mà hiện các thứ hóa thân; hoặc hiện thân Phật, hoặc hiện thân khác. Vị Bồ-tát trước, phải trước, ở cõi trời Đổ-Sử-đa, về sau mới hạ sinh. Ở vị thành của kiếp đầu tiên, sinh vào nhà Bà-la-môn, như Từ Thị, v.v... Do nghèo hèn, giàu sang, vì coi trọng tịnh hạnh, nên vị giảm sau kiếp, sinh vào nhà Sát-Đế-lợi, như Năng Tịch, v.v... Do tịnh hạnh thấp hèn, vì quý trọng giàu sang, nên Phật hóa độ họ, hiện hai thọ sinh. Nhiếp Đại Thừa luận quyển 9 chép: “Thân biến hóa của Phật hay hiện tám tướng: Xuất hiện ở cung trời, ẩn mất, thọ sinh, thọ dụng, vượt thành, xuất gia, tu các khổ hạnh, chứng Đại Bồ-đề, xoay bánh xe Đại pháp, nhập Đại Niết-bàn”.

Kinh Đại Bát-nhã cũng nói tám tướng:

- 1- Từ cung trời mất, tức tướng nhập thai.
- 2- Trẻ thơ, tức tướng thọ sinh.
- 3- Đồng tử, tức tướng thọ dụng.
- 4- Khổ hạnh.
- 5- Thành đạo.
- 6- Hàng phục ma.
- 7- Xoay bánh xe pháp.

## 8- Nhập Niết-bàn.

Không có tướng xuất gia của Nhiếp luận kia, thêm tướng hàng phục ma. Hàng phục ma của Nhiếp Luận thuộc tướng thành đạo. Thành đạo lia ba ma, vì hàng ma phục một, cũng thành đạo rồi liền hàng ma. Đầu tiên, là hiện xuất gia, sau được khổ hạnh, lia bỏ lập riêng. Luận kia nói: “Xuất gia, thị hiện tướng nhằm chán, tướng tục, khổ hạnh, thị hiện tướng tu tà hạnh”. Kinh y cứ xuất gia, vì tu khổ hạnh, nên hợp kiến lập vì hành đạo, chứng quả hàng phục ma, trừ oán, nên lia lập riêng, đều y cứ vào một nghĩa cũng không trái nhau (rộng như kinh ấy nói).

Nói về lý do hiện tướng. Trong Kinh Hoa Nghiêm chép: “Có mười tướng, trong tám thêm hai. Căn hữu tình ba thừa cũng chưa thành thực, khiến ưa thích sâu sắc mới hiện thân Phật, nên trước ở cung trời, giáng sinh, thành Phật, vì chúng sinh đáng được trông thấy, là thân biến hóa được huân tập bởi đại bi. Do sinh nhân sinh ra tướng thành Phật. Giáo nói chủng loại Bồ-tát có ba: mỗi một hệ thuộc một đời, như Di-lặc, v.v.; trước thân ở trong người, gọi là hệ thuộc một đời, đối với vị Phật đương lai, lẽ ra có bốn đời: người, trời, vốn có và hai trung hữu, như bảy đời, v.v... gọi một đại sinh. Nếu ở trong cõi trời thì gọi là hệ thuộc một đời; nửa đời gọi một, vì một vốn có”. Luận Trí độ chép: “Di-lặc ba đời nói ở trong người, trừ thân thành Phật nên nói ba. Hai thân sau cuối, ba thân ngồi đạo tràng, hai thân này cuộc hạn ở vị thân thành Phật; hóa thân đã như thế, thì hai thân thọ dụng dù không thấy vẫn nói, nhưng vì y cứ vào hai thân này, nên đều là thân tự thọ dụng. Thất địa trở xuống, gọi là hệ thuộc một đời; Bát địa trở lên, gọi là thân sau cuối, lại là Vô sinh nên ở tòa hoa sen gọi ngồi đạo tràng. Thân tha thọ dụng như thân trước của Quan Âm, gọi là hệ thuộc một đời. Thân Quán Âm gọi là thân sau cuối. Ở tòa bảy báu, gọi là ngồi đạo tràng, pháp thân Vô sinh, ấy là không có nghĩa này, nhưng ba thân ấy chẳng phải nhất định một, khác. Thân tự thọ dụng là tướng thân mình ba pháp thân tức là lý tánh của thân này, lý trí mẫu nhiệm, sâu kín, chẳng phải sở tri khác. Ba thừa thấy thô, đặt tên là biến hóa; Thập địa thấy tế gọi là thân tha thọ dụng. Do thấy khác nhau, tánh tướng khác lạ, tu tập nghĩa đức chia thành ba thân, chẳng phải như hữu tình, đều có tự thể riêng lập thành ba thứ, vì không nhất định khác, vì chẳng phải không khác, nên chẳng phải nhất định một, khác, như Phật Năng tịch, Thập địa đã thấy, gọi là thân tha thọ dụng. Đối tượng mà Nhị thừa trông thấy, gọi là thân biến hóa. Trí vô phân biệt quán chân lý kia, gọi là pháp thân. Chân trí sâu kín, mẫu nhiệm, tu lâu nhân mãn, tự thọ pháp lạc, chẳng phải sở tri khác gọi là thân tự thọ, tri

kiến khác nhau, chẳng phải nhất định một, khác, là sinh liễu nhân, nhân khởi tướng quả, nhưng có một quả do hai nhân mà được”.

1- Sinh nhân.

2- Dẫn nhân.

Thành Duy Thức chép: “Sinh chánh quả gần gọi là sinh nhân; dẫn quả tàn dư xa gọi là dẫn nhân, như thân thọ dụng. Trước định Kim Cương, các hạt giống vô lậu làm dẫn nhân xa; hạt giống của vị mình gần làm sinh nhân. Đối với pháp thân Phật, hiện trí gần, xa, đều cùng làm dẫn nhân, chẳng phải là sinh nhân; không nói nhân sinh khởi dẫn dắt, v.v... được quả ly hệ, chỉ nói nhân dẫn phát v.v... nhất định khác, vì được vô vi, nên đối với vị hiện ở trước hóa thân, 2/ Hạt giống làm sinh nhân, vì chánh sinh khởi, nên đối với Xá-lợi, v.v... gọi là nhân dẫn, vì quả tàn dư của dẫn. Nay, nói hai nhân của quả thọ dụng, hoặc đối với một nhân, một quả của pháp thân; hoặc so với một nhân, hai quả của Phật đã được gọi là nhân lý trí”.

Kinh Thắng-man chép: “Có hai thứ Như Lai tạng không trí, hoặc ly, hoặc thoát; hoặc đoạn, hoặc khác; tất cả tạng phiền não không lia, không thoát, không đoạn, không khác, không tư duy, bàn luận Như Lai tạng, là luống dối không thật, vì phá hoại rốt ráo gọi là Không: Vô Cấu Xưng nói: “Ruộng trần lao là chủng tánh Như Lai”. Kinh Niết-bàn chép: “Khi chưa được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-Bồ-đề; thì pháp thân, bất thiện, vô ký đều gọi là Phật tánh, vì gọi là Như Lai tạng, nên kinh nói tiêu biểu có hai thứ Như Lai tạng không trí, vì phiền não cũng gọi là Như Lai tạng, nên lý chân như kia, nhân không được sáng tỏ, vì tánh là Không, nên gọi là Không”. Nhân của pháp thân bị phiền não che khuất, gọi là Như Lai tạng. Vì ly khai vị triền này gọi là pháp thân, nên dứt chướng ràng buộc phiền não che lấp, chứng được tự tánh giải thoát của pháp thân. Kinh Pháp Hoa chép: “Vì muốn bảo cho chúng sinh biết tri kiến của Phật, nên Phật mới xuất hiện ở đời. Thị hiện người ba thừa, vì pháp thân đồng, nên diệt hai hóa thành đến đảo châu báu”.

Quyển thứ 8 trong Kinh Lăng-già 10 quyển, đầu tiên là nói: “Thức A-lại-da gọi là không Như Lai tạng, vì đầy đủ pháp huân tập vô lậu, nên gọi là Bất không Như Lai tạng”.

Ý kinh kia nói: “Thức A-lại-da có công năng chứa đựng hạt giống thanh tịnh, gọi là Tạng, làm nhân của Phật đương lai, gọi là Như Lai tạng. Lại, chưa được Bồ-đề, vì đều là Phật tánh, nên gọi là Như Lai tạng, vì tánh luống dối, vì cũng vỡ nát, không thật, nên gọi là không. Đã chứa đựng hạt giống của pháp thanh tịnh vô lậu, vì nhân

của báo thân, nên gọi Như Lai tạng. Tánh chẳng phải lưỡng đối, rốt ráo không cùng tận, gọi là bất không. Quả vị viên mãn hiện hạnh của sinh này, gọi là hóa thân báo, nên đoạn chủ thể tạng, sở tri chướng của tạng thức hữu lậu diệt, vì đại trí viên mãn, nên chứng thân thọ dụng; vì đại bi viên mãn, nên khởi thân biến hóa”.

Kinh Pháp Hoa chép: “Vì muốn cho chúng sinh được tỏ ngộ tri kiến Phật, nên xuất hiện ở đời. Thịnh văn, Duyên giác vì không biết nơi chốn chân thật của thân, trí, nên Phật không bàn cho dê, nai, chỉ cho xe bò đến đạo tràng”.

Hai nhân từ trước đến nay, nếu ở vị quả, thì gọi là thọ dụng pháp. Thị hiện tỏ ngộ hai nhân này, Phật xuất hiện thế gian, vì muốn cho chúng sinh tu nhân này, nhập tri kiến Phật, đều khiến tu hành nghiệp không lui sụt, tức là thị hiện ngộ nhập tri kiến Phật. Đức Phật ra đời đều nhằm chỉ bày rõ nghĩa kinh. Đức Phật xuất hiện thế gian, vì muốn cho chúng sinh tu hai nhân mẫu nhiệm, được hai quả cao siêu, nên chỉ bày sự khen ngợi vô thượng này, khiến tu, tức là nghĩa khai thị ngộ nhập. Lại, có hai nhân có thể được hai quả, như luận Đại thừa Trang Nghiêm Kinh chép: “Hai tư lương: phước đức, trí tuệ, Bồ-tát đã khéo tu vô biên đời, cho đến mạnh mẽ, nhanh chóng trở về bờ biển đức”. Nhiếp Luận cũng chép: “Ai có thể ngộ nhập tướng nên biết, khéo tu đủ tư lương phước trí. Quả Bồ-tát thuận theo tăng thượng, chia làm hai loại: Pháp thân là phước, thọ dụng là trí. Hoặc thọ dụng là trí, biến hóa là phước, pháp thân chung cho hai. Về lý, ba thân thật đều chung cho phước, trí, vì hai tánh thật, vì hai đối tượng thành, vì hai đối tượng khởi, do ba thân này đều có hai nhân đắc”. Lại, có hai nhân:

1- Công năng sinh.

2- Phương tiện.

Tánh nhân công năng sinh, tức là nhân duyên; Tánh nhân phương tiện của ba duyên khác; đối tượng đắc của hai nhân thọ dụng, biến hóa; nhân một thứ phương tiện của pháp thân được. Lại có hai nhân gọi là chung, không chung: một thứ pháp thân là đắc của nhân chung; thân tự thọ dụng là đắc của nhân không chung. Biến hóa của tha thọ dụng, thông cho cả chung, không chung. Lại, có hai nhân: đại trí, đại bi, lợi mình, lợi người, thuận theo nghĩa tăng nói là nhân lợi mình, đại trí của thân tự thọ dụng. Thân biến hóa tha thọ dụng, nhân lợi người của đại bi pháp thân chung cho cả hai nhân: hoặc đều chung cho hai, vì Bồ-tát lấy lợi người làm lợi mình; Bồ-tát lợi mình, vì lợi ích cho người.

Lại, hai nhân: 1/ Tánh chủng tánh, 2/ Tập chủng tánh. Pháp thân



chẳng phải do hai nhân gần mà được, xa cũng có thể gọi. Mặc dù gọi là Phật tánh, nhưng vì không có loại riêng, nên không gọi là tánh chủng tánh. Do đây, cũng không có nhân tập thành tánh; hai tánh gần được của hai thân khác.

Lại, nhân của ba trí: Chánh trí chính là liễu nhân của pháp thân hai trí, hai trí còn lại là nhân giúp đỡ xa. Chánh trí Hậu đắc là nhân chúng sinh của thọ dụng; gia hạnh là nhân giúp đỡ xa. Hậu trí chính là nhân chúng sinh của biến hóa; Hai trí còn lại là nhân giúp đỡ xa.

Thuyết xưa nói ba nhân:

- 1- Nhân nên được: tức là nghĩa chân như, vì đối tượng nên được.
- 2- Nhân gia hạnh. Nghĩa là nguyện của tâm Bồ-đề.
- 3- Nhân quả viên mãn. Nghĩa là chánh gia hạnh.

Nghĩa tùy tăng: Nghĩa là đầu tiên được pháp thân; tiếp theo được hóa thân vì nguyện đem lại lợi ích cho chúng sinh. Báo thân của Hậu đắc là thật tu hành.

Trong luận Phật Tánh chép: “Ba nhân này, mỗi nhân đều cảm ba thân, vì chung cho đối tượng thành, rộng như thuyết kia nói”. Luận Phật tánh lại chép: “Phật tánh có ba”:

- 1- Tự tánh trụ Phật tánh: trụ vị tự tánh khi chưa phát tâm.
- 2- Dẫn xuất Phật tánh, các vị Hữu học phát tâm về sau.

3- Phật tánh cho đến được quả. Nghĩa là vị vô học, luận Phật Tánh kia phần nhiều nói: “Lý tánh pháp thân có ba vị này đồng với Niết-bàn. Dựa vào thân thọ dụng, Phật tánh hữu vi chia ra ba thứ này, về lý cũng không có lỗi lầm. Lại, có ba nhân: Kinh Bát-nhã chép: “Phát tâm Bồ-đề, nên trụ thế nào? Tu hành thế nào? Hàng phục tâm mình ra sao?”

Vô Trước giải thích: “Thế nào là Trụ? Nghĩa là dục nguyện, hạnh: Vô tướng tương ứng với đẳng trì phục, nghĩa là chiết phục tâm tán loạn, trụ lại chánh nguyện, nhập định, chiết phục chướng tán, gọi là ba thứ nhân, đồng với cách giải thích của ngài Thiên Thân”.

Hoặc giải thích khác: Phát tâm tu hành vì dứt chướng riêng; hạnh tán, hạnh định, tâm đầu tiên hạnh tán tâm tiếp theo hạnh định, tâm sau nhập Thánh, dứt trừ chướng. Cho nên, ba nhân gồm thấu tất cả.

Ý Tông kinh Bát-nhã kia nói: “Nhân, hạnh của pháp thân vì vô tướng, nên cũng nói hai tướng phước, trí. Pháp thân cũng do nhân thọ dụng mới khởi hóa độ với lợi ích vô tận”. Có bốn duyên:

- 1- Nhân duyên.
- 2- Duyên Đẳng vô gián.
- 3- Duyên sở duyên.

## 4- Duyên tăng thượng.

Về nhân duyên, khắp các hữu vi, giải thích quả mình. Duyên Đẳng vô gián: Nhân, quả, tất nhiên là tâm tâm sở pháp. Duyên Sở duyên kia, thể chung cho tất cả pháp, quả, tất nhiên là tâm, tâm sở. Nhân quả của tánh duyên tăng thượng đầu tiên chung cho năng lực không chướng ngại, là tự tánh quả. Pháp thân chỉ do đặc của duyên tăng thượng. Thân tự thọ dụng chung cho đặc của bốn duyên. Biến hóa của tha thọ dụng, đầu, sau duyên đặc, chẳng phải tâm, tâm sở vì tự tánh thật. Lại, có bốn lực:

- 1- Nhân.
- 2- Bạt lành.
- 3- Tác ý.
- 4- Tư lương.

Ba thân đều chung cho đối tượng đặc của bốn lực. Nhưng đặc gần: pháp thân thì không phải. Lại, có bốn hạnh. Bồ-tát Địa nói:

- 1- Phần Bồ-đề.
- 2- Ba-la-mật.
- 3- Các thần thông.
- 4- Thành thực hữu tình.

Ba thân đều do đặc của bốn hạnh. Lại có sáu nhân:

- 1- Nhân năng tác.
- 2- Nhân câu hữu.
- 3- Nhân tương ứng.
- 4- Nhân đồng loại.
- 5- Nhân biến hành.
- 6- Nhân dị thực.

Thể năng tác (chủ thể tạo tác) chung cho hữu vi, vô vi. Quả chỉ hữu vi, vì không chướng ngại sự sinh. Thể chung cho bốn duyên.

Thể của Câu hữu chung cho các pháp hữu vi, đều cùng lúc với lực. Quả tương ứng với nhân duyên, tăng thượng chỉ có tâm, tâm sở pháp, cũng nhân đồng loại với tăng thượng, chỉ là các pháp hữu vi; phẩm đồng, phẩm vượt hơn, dùng tự loại làm nhân, cũng nhân tăng thượng sở duyên nhất định không có, Đẳng vô gián không nhất định. Biến hành chỉ là hai đế: khổ, tập, hoặc là kiến đạo duyên khắp bốn đế, tất cả phiền não chỉ trừ nhân duyên, dị thực chỉ là nghiệp lành hữu lậu và nghiệp bất thiện, vì chiêu cảm vô ký, nên chỉ có duyên tăng thượng.

Trong sáu nhân này, nếu các hiện hành đối với hạt giống gần của mình, làm nhân tăng thượng. Hiện hành đối nhau nhất định không

có nhân duyên, tất nhiên có tăng thượng. Hai nhân còn lại, không nhất định; đối với hạt giống không gần, chỉ một tăng thượng, tất cả hạt giống đối với tự loại, đều là nhân tăng thượng; đối với tự loại, hiện hạnh của nhân tăng thượng nhất định không có đẳng vô gián, sở duyên duyên không nhất định. Nếu đối với hạt giống khác chỉ làm tăng thượng thì đối với hiện hành khác nhất định làm tăng thượng, không có nhân Đẳng vô gián, duyên sở duyên không nhất định.

Bốn nhân đầu tiên chung cho hiện hành và hạt giống có thể có nhân duyên; biến hành, dị thực dù chung cho hiện chủng, nhưng vì không là sinh gần, nên đều chẳng phải là nhân duyên. Bốn nhân trước có cả hữu lậu, vô lậu. Hai thứ nhân sau vì chỉ là hữu lậu, nên ba thân Phật, pháp thân chẳng phải là đối tượng đắc của sáu nhân; vì thể chẳng phải sinh, nên đắc bốn nhân trước của thân tự thọ dụng, chẳng phải nhân tương ứng như nghĩa sáu nhân giáo lý lâm làm chứng. Lại, có mười nhân:

- 1- Tùy theo mà nói.
- 2- Quán đối đãi.
- 3- Dẫn dắt.
- 4- Sinh khởi.
- 5- Nhiếp thọ.
- 6- Dẫn phát.
- 7- Định khác.
- 8- Đồng sự.
- 9- Mâu thuẫn.
- 10- Không mâu thuẫn.

Pháp thân chỉ là đối tượng đắc của năm nhân. Luận chép: “Quả ly hệ, nhiếp thọ, dẫn phát, định khác, đồng sự. Nhân không mâu thuẫn, vì đắc của năm nhân, nên tánh khéo lìa lời nói, không tùy theo thuyết nhân mà được, có thể hợp với chứng đạo”.

Quán đối đãi xa nhau, chẳng phải nhân kia dẫn dắt được sinh khởi hai quả hữu vi, cũng không phải hai đắc.

Nhân mâu thuẫn xa được quả đã không có, cũng chẳng phải đắc kia. Nếu giải thích xa thừa thì cũng thuận theo nói đắc. Vì không là đắc gần, nên luận không nói. Quán đối đãi thân của hai công đức khác, thành thân tự tánh. Vì đạo chứng chẳng phải thừa xa nên luận cũng không nói. Là triền phiền nào mà thành pháp thân, vì khi chứng đạo, đắc kia đều đã xa, luận cũng không nói đắc của nhân trái nhau. Nhưng về nghĩa có thể là đối tượng đắc của tám nhân, chỉ trừ sự dẫn dắt và nhân sinh khởi. Đối

tượng đặc tám nhân của biến hóa thọ dụng, trừ thuận theo nói trái nhau. Vì ngôn thuyết không thể giải thích gặn. Vì luận kia không nói đặc, xa cũng có thể được.

Nhân trái nhau xa, không nói là đặc. Nếu y cứ vào nghĩa này chung cho đặc của mười nhân.

Nhân đối đãi thành quả; hai thân đối đãi nhau, có quán nhân đối đãi sinh ra hạt giống thuần thực, chưa thuần thực riêng, chia thành nhân dẫn dắt và nhân sinh khởi.

Nhiếp thọ xứ sáu y, nói về pháp vô lậu, nên có nhân nhiếp thọ, hạt giống của bản tánh thành nhân dẫn phát, hạt giống của thừa mình là nhân khác của định, tức các nhân trước vì đồng là một sự nghiệp sinh, v.v... nên làm nhân đồng sự; nhân không mâu thuẫn, vì lý ấy có thể đều, nên có tám nhân, hoặc là mười nhân, lại thuận theo tướng hiển nói các cõi nước nghiêm tịnh của nhân này, v.v... tất cả diệu nhân đều là nhân của ba thân, e rườm rà nên không nói.

Đã nói về nhân khởi, sẽ nói về tướng quả, quả có năm thứ:

- 1- Dị thực.
- 2- Đăng lưu.
- 3- Ly hệ.
- 4- Sĩ dụng.
- 5- Tăng thượng.

Sĩ dụng trong đây, sơ lược có hai cách giải thích:

1- Năm uẩn giả: gọi là Sĩ phu. Quả của đối tượng đặc kia, được gọi là quả Sĩ dụng.

2- Các pháp riêng riêng, cũng gọi sĩ phu.

Như Uẩn kia giả giả: vì có thể, dụng, nên từ dụ đặt tên, Sĩ phu giả được gọi là quả Sĩ dụng. Nếu y cứ vào nghĩa ban đầu, thì pháp thân chỉ là quả tăng thượng của ly hệ, vì đặc của đoạn chương, nên là quả ly hệ tăng thượng có thể biệt, vì chẳng phải hữu lậu, nên chẳng phải quả dị thực; vì chẳng phải hữu vi nên chẳng phải quả đăng lưu.

Không phải năm uẩn giả: vì đối tượng chứng gặn, nên chẳng phải quả Sĩ dụng. Nếu y cứ vào nghĩa sau, cũng là quả Sĩ dụng. Vì đối tượng đặc của Sĩ phu trong Thánh đạo, nên thể thành ba quả. Biến hóa của thọ dụng đều thành ba quả, vì không phải hữu lậu, nên không phải quả dị thực, vì không phải vô vi, nên không phải quả ly hệ.

Y cứ vào sở đặc của các nhân trước, nhân duyên sinh trong ba thân, nghĩa là Đăng lưu, Tăng thượng. Hoặc là Sĩ dụng, hoặc không phải sĩ dụng; đặc của duyên tăng thượng có thể chung cho bốn quả, chỉ

trừ dị thực. Vì quả Phật không có, nên đấng của hai nhân duyên khác, nhất định có tăng thượng, tất nhiên không có ly hệ. Đẳng lưu, Sĩ dụng, hoặc có, hoặc không.

Phẩm vượt hơn của tự loại. Nghĩa là có Đẳng lưu. Đối nhau khác chẳng phải có. Đấng của thế lực kia, nghĩa là có Sĩ phu, đối nhau khác chẳng phải có.

**- Thứ năm, các môn phân biệt:** sơ lược có mười bốn môn nói: “Ba thân như thế, vì nghĩa có nên nói là vô thường, người hóa thân thường xoay bánh xe pháp, cho nên xứ xứ phương tiện như như nối nhau không đứt, gọi là thường. Vì chẳng phải là gốc, vì dụng đầy đủ không hiện rõ, cho nên nói vô thường”.

Luận Trang Nghiêm chép: “Thường có ba thứ”:

- 1- Bản tánh thường.
- 2- Không xen hở là thường.
- 3- Nói tiếp nhau gọi là thường.

Luận Phật Địa chép: “Thân biến hóa này mất rồi lại hiện, vì hóa vô tận; thường nối nhau này, vì đã nương tựa ở thường, nên cũng nói là Thường. Vì có sinh, diệt, nên cũng là vô thường, chính là đồng với kinh, như trong kinh Kim Quang Minh chép: “Pháp thân: Chẳng phải là pháp hành, không có tướng khác; vì khác chẳng có, vì là gốc mình, cho nên nói thường, pháp thân như như chẳng phải là pháp hạnh, không có tướng khác, trí như như, vì pháp thân là gốc của mình. Lý, trí rộng lớn, hợp với sâu kín không có tướng, cũng như hư không. Cho nên nói là Thường”. Luận Phật Địa chép: “Pháp thân như như là thường tự tánh, lìa các phân biệt và lìa nói suông, vì bản tánh thường trú, không có sinh, diệt, cho nên nói Thường. Niết-bàn căn bản ở thuyết này, Phật tức pháp; pháp tức là tăng. Tăng tức là thường, thường tức hư không; hư không tức Phật tánh. Phật tánh tức pháp thân, thân trí như như là không đoạn, thường. Chúng sinh vô tận, bốn nguyện không cùng, lại không nhập Niết-bàn, khoảng giữa không có xen hở, thâm hợp với trí, như hư không chẳng có giới hạn, cũng lìa phân biệt và các hí luận, cho nên nói Thường”.

Chỉ nói như như là pháp thân: chỉ có tự tánh thường. Nhiếp Đại thừa hỏi: “Thân thọ dụng của Phật và thân biến hóa đã là vô thường, sao kinh nói: “Thân Như Lai là thường?”

Luận kia tự đáp: “Vì pháp thân, đối tượng nương tựa của hai thân này là thường”.

Luận Vô Tánh giải thích: “Đây chẳng phải là thân thường, vì

nương tựa thân thường. Ở đây chỉ rõ đẳng lưu và thân biến hóa là thường của môn khác, chẳng phải thường tự tánh. Lại, hai thân kia vì luôn thọ dụng không có, bỏ phế; và thường thường hiện hóa, vì không dứt hẳn, như thường tiếp nhận thú vui, như thường xuyên thí cho thức ăn. Thân Như Lai là thường, nên biết cũng như vậy”.

Vô tánh giải thích: “Lại thân thọ dụng, vì luôn thọ dụng, không có, bỏ phế, nên cũng như thế gian nói: “Thường tiếp nhận thú vui”, dù không phải tiếp nhận thú vui thường, không có bỏ dỡ, mà nói thường cảm nhận; thân thọ nhận của Phật cũng như vậy. Các Bồ-tát kia tiếp nhận thú vui không có bỏ dỡ, dù chẳng phải thường trụ, nhưng cũng nói thường, nên kinh Thắng-man chép: “Sắc Như Lai vô tận, trí tuệ cũng giống như thế, do hóa thân Phật thường hóa hiện, không dứt hẳn, cũng như thế gian nói: “Thường bố thí thức ăn”; mặc dù chẳng phải vô gián, nhưng thường thí cho, vì tâm thí chủ kia không dứt, nên gọi là thường thí cho thức ăn; hóa thân cũng như vậy, thường thường hóa hiện, vì không dứt hẳn”.

2- Môn hai lợi mình, người: Kinh Kim Quang Minh chép: “Này người thiện nam! Tất cả chư Phật đem lợi ích cho mình, người, nhằn đến cuối cùng”.

Lợi ích cho mình: Là pháp như như. Lợi ích cho người: là trí như như, ở chỗ lợi ích cho mình, người, được tự tại vì thành tựu các thứ dụng vô biên, cho nên phân biệt vô lượng, vô biên các thứ khác nhau của Phật pháp”.

Luận Tạp Tập chép: “Thân thọ dụng của Phật, lợi mình vượt hơn; thân biến hóa, lợi người vượt hơn. Thân tự tánh: đều cùng có lợi, đều vượt hơn. Thân tha dụng. Dù thuộc về lợi ích người, nhưng từ tự thọ dụng mà tiếp nhận pháp Thánh tài, vì rất vượt hơn, nên chỉ nói tự lợi”. Luận Phật Địa, Duy Thức đều chép: “Pháp thân vắng lặng, yên vui, vì không có động tác, chính thuộc về lợi mình”. Kinh Kim Quang Minh y cứ vào luận này chép: “Lợi ích cho mình: là pháp như như, không nói là có khả năng làm duyên tăng thượng, vì lợi ích chúng sinh, cũng gồm lợi ích cho người. Lại, với hai thân đều có lợi là y chỉ, thuộc về hai lợi”.

Thọ dụng có hai: Thân tự thọ dụng, hạnh, nguyện của mình mãn, hay tự thọ dụng pháp lạc mẫu nhiệm, thuộc về chánh lợi mình; thân tha thọ dụng, hạnh, nguyện người khác viên mãn, khiến các Bồ-tát thọ pháp lạc lớn, thuộc về lợi người khác vì hai thân này, nên hoặc nói thọ dụng, chỉ thuộc về lợi mình, hoặc nói lợi người. Hoặc nói đều có lợi, đều không trái nhau”. Kinh Phán Hiển chép: “Làm lợi ích cho người

là trí như như: chỉ nói có thể làm thân biến hóa, thọ dụng lợi ích cho người khác, là trí như như, không ngăn chặn trí này là lợi mình. Thân biến hóa chỉ vì lợi ích cho người, hiện các tướng hóa, thuộc về lợi ích cho người”.

3- Môn có khác, không khác: Luận Nhiếp Đại Thừa chép: “Pháp thân của chư Phật vì y chỉ nghiệp ý ưa thích, không có riêng, phải nói là không khác. Vì vô lượng thân y chỉ, hiện Đăng giác nên nói có khác”.

Vô Tánh giải thích: “Chân như không có khác, y chỉ không có riêng, ý lợi lạc đồng, ý ưa thích không có riêng lẽ. Chánh giác đồng với các thứ Nghiệp, Niết-bàn, nghiệp không có khác nhau. Đây là vì nói chủ thể y, và đối tượng y (đối tượng nương tựa) đồng, nên nói không khác”.

Luận Phật Địa chép: “Vì pháp thân Phật tánh, chư Phật đều có nên không có khác nhau. Y cứ vào nhân chủ thể chứng, vì có sai biệt nên giả thuyết khác nhau, vì thể không hai. Nếu y cứ vào chủ thể nương tựa, nói có khác nhau, vì thể có khác nhau”.

Nhiếp Luận lại chép: “Như nói pháp thân, thọ dụng cũng vậy, vì ý ưa thích và nghiệp không có khác nhau. Phải nói không có khác, không do y chỉ không có khác nhau, vì chuyển biến khác nhau của vô lượng y chỉ, nên thân biến hóa cũng vậy”.

Luận Phật Địa chép: “Ngoài ra hai thân, mỗi thân đều có nhân chiêu cảm riêng, đều có tự tánh riêng, thật sự có khác nhau, tức Nhiếp Luận chép: “Vì thân vô lượng y, hiện Đăng giác, nên phải nói có khác, chỉ không chấp riêng sự nghiệp bình đẳng của ý ưa thích lợi ích yên vui, nói là không có khác nhau, cũng không trái nhau”.

4- Môn hình lượng của ba thân. Luận Phật Địa chép: “Pháp thân vô biên cũng như hư không cùng khắp tất cả chỗ, không thể nói hình lượng của pháp thân đó lớn hay nhỏ. Y cứ vào tướng mà nói, như khoảng không, không có bờ mé. Thân tự thọ dụng có sắc, chẳng phải sắc, chẳng phải sắc không có hình, không thể nói hình lượng của thân ấy lớn, nhỏ, mà tùy thuộc thân và cảnh, cũng được nói rằng, khắp tất cả chỗ, các pháp có sắc, tu nhân đại kiếp được căn, cảnh vượt hơn, mỗi một tướng tốt đẹp cùng khắp pháp giới, không đồng với nghiệp sinh tử, có phần hạ, đã cảm thân hình có nhỏ, có lớn; thân vô lậu của Phật trong vô lượng kiếp, gặp vô biên Phật, dứt vô biên chướng; lợi ích vô biên chúng sinh, vì đã khởi tu vô lượng việc lành, nên quả cũng vô biên. Vì thân được biến bởi trí viên cảnh không có hạn lượng; đối tượng biến của chư Phật đồng xứ, đồng thời lượng, tương tự với tướng Phật kia, không chướng

ngại nhau, sau cùng thọ dụng pháp lạc không có ngừng dứt, chỉ có sở tri của Phật, vì chẳng phải căn cảnh khác, nên Thánh giáo nói: “Vô kiến đánh tướng, pháp âm vô biên, mỗi một tác dụng công đức không có giới hạn. Thân tha thọ dụng của Phật vì các Bồ-tát hiện các thứ thân, tiếng nói, tướng tốt, hình lượng không nhất định”.

Kinh Phạm Võng chép: “Nay, Tỳ-lô-giá-na đang ngồi tòa hoa sen, cho đến mỗi cõi nước, một Phật Thích-ca, v.v...” Hoa Nghiêm v.v... chép: “Bồ-tát Sơ địa thấy một trăm cõi Phật; một cõi, tức là một Đại thiên giới; mỗi một cõi có một hóa thân Thích-ca; Một tứ thiên hạ đều có một hóa thân; một cõi tức có một Đức Thích-ca, đối tượng thấy của bốn gốc lành; một trăm cõi Tiểu Thích-ca, đối tượng thấy của ba thừa khác. Sơ địa tự thấy một trăm Đại thiên giới, một Lô-Xá-Na, lượng A-di-đà Phật là đối tượng thấy này. Như thế, Nhị địa thấy một ngàn; Tam địa thấy mười ngàn, số nhân nên biết, cho đến tâm Kim Cương của Thập địa, khi Bồ-tát sắp thành Phật, tướng hoa sen báu lớn trên trời Sắc Cứu Cánh hiện ra tròn khắp, như số lượng cát bụi của mười A-tăng-kỳ, trăm ngàn Tam thiên Đại thiên thế giới. Một hạt bụi này là một Đại thiên giới, Bồ-tát ngồi nơi đó mà thành Chánh giác. Bồ-tát kia đã thấy lượng thân Phật khó biết, với thân tự thọ dụng của Phật, Bồ-tát kia không thấy”.

Kinh Pháp Hoa v.v... chép: “Lượng cõi nước của A Nan thành Phật, đem so sánh thuộc về tha thọ dụng của thân Phật này. Địa nào được thấy? Về lý, so sánh nên đồng đều, thân biến hóa của Bồ-tát kia là chúng trước của hóa địa, hai vị tư lượng, gia hạnh thấy khác nhau, tùy theo đối tượng thích nghi của chúng, với hình lượng không nhất định: Đức Thích-ca cao một trượng sáu, gấp bội chúng sinh cao lớn. Di-lặc cao một ngàn mét, thuận theo cơ nghi của chúng sinh được thấy. Hóa thân tha thọ dụng đều là sắc hóa. Tánh của bốn, năm trần, chẳng phải công đức sắc, dù không có hình chất, nhưng cũng vẫn hóa hiện”.

Thành Duy Thức chép: “Đấng vô Thượng giác, vì thần lực khó suy nghĩ, nên có thể hóa hiện pháp không có hình chất, hiện tham, giận, v.v... khiến cho biết khác”.

Luận Du-già nói: “Biến hóa không thể làm bốn việc kia: 1/ tâm; 2/ tâm sở; 3/ căn; 4/ nghiệp quả, dù không có dụng thật, hiện giống như tâm, tâm sở pháp có, tức tâm tướng phân, hóa giống như tánh bốn trần, thể của năm căn, dù giống với nghiệp quả, nhưng tánh tức vô lậu; khổ hạnh sáu năm “mã mạch”, thương vàng, dù đều dường như khổ, nhưng thật ra vì vô lậu nên là môn chung, không chung của năm hữu tình đã



được hóa độ. Tự thọ dụng của tư tánh, không có sự phân biệt này. Tha thọ dụng và hóa có môn nghĩa này”.

Trong Luận Phật Địa lược có ba thuyết:

1- Đồng chung: vì mỗi vị Phật đều có khả năng hóa sinh, phước, tuệ bình đẳng, tu hành trong nhiều thời gian, đồng câu Bồ-đề, như nói: “Một vị Phật đã hóa độ hữu tình thì tất cả Phật nên biết đồng chung.

2- Không chung: Vì đối tượng hóa của Phật vốn hệ thuộc nhau, cho nên, Thích-ca vào thời Phật Để-sa, đã cùng với Từ Thị đồng thờ Đức Phật kia, Phật quán đối tượng hóa độ, đức Thích-ca thành thực trước, Từ Thị thành thực sau. Quán chủ thể hóa: Từ Thị thành trước, Thích-ca thành sau. Nhập định Hỏa Quang để cho đức Thích-ca đứng co một chân suốt bảy ngày, bảy đêm, được khen, khiến vượt hơn Từ Thị, thành Phật trước. Lại, Đức Thích-ca nói: “Đối với người đáng được độ, ta đã độ xong”. Lại, Khế kinh nói: “Khi Phật niết-bàn, quán một đối tượng hóa hiện tại là Hữu danh, sẽ sinh trong đây, lẽ ra phải được Phật hóa, lưu lại một hóa thân trụ tiềm tàng ở cõi này, thân hiện Niết-bàn. Phật Di-lặc kia mất, sẽ sinh ở đương lai, để lại thân, mới hóa thành vô học; thân đã hóa độ, mới nhập diệt. Lại, mỗi chỗ đều nói: “Chủ thể hóa, đối tượng hóa, quyết định hệ thuộc nhau, cho nên không chung”.

3- Nghĩa như thật: “Có chung, không chung”. Luận Thành Duy thức cũng nói thế này: “Đối tượng hóa chung: cùng xứ, cùng thời đại chư Phật đều biến hóa làm thân, làm cõi nước, với hình trạng giống hết nhau, không chướng ngại nhau, lần lượt xen nhau làm duyên tăng thượng, khiến cho tự thức của đối tượng hóa sinh biến hiện, nghĩa là ở một cõi nước có một thân Phật, vì hiện thân thông nói pháp, làm lợi ích”.

4- Đối với không chung: Chỉ một Phật biến hóa, các loài hữu tình từ vô thủy đến nay, chủng tánh pháp nhĩ lại hệ thuộc nhau, hoặc nhiều hệ thuộc một; hoặc một hệ thuộc nhiều, nên đối tượng hóa sinh có chung, không chung. Không như vậy, thì nhiều Phật ở lâu trên thế gian, mỗi việc đều lao tâm, nhọc sức thật là vô ích. Vì một vị Phật có thể lợi ích tất cả chúng sinh.

Nghĩa này, rộng như Phật Địa nói v.v...

6- Môn các tướng của ba thân.

7- Môn do bao nhiêu tự tại được tự tại?

8- Môn ba thân y chỉ bao nhiêu xứ?

9- Môn do bao nhiêu Phật pháp được gìn giữ?

10- Môn thọ dụng, biến hóa chẳng phải pháp thân.

11- Môn công đức tương ứng.

Trên đây đều như Nhiếp Đại Thừa nói.

12- Môn hữu lậu, vô lậu do thức biến ( như Thành Duy Thức nói).

13- Môn Tịnh độ sai biệt.

(Như biệt nghĩa lâm nói).

14- Môn nói pháp sai biệt của ba thân.

Như kinh Lăng-già chép: “Nghĩa của ba thân này khác nhau vô biên, e chán văn rườm rà nên chỉ lược thuật lại”.

Như kinh Thập Địa, kinh Kim Quang Minh; Kinh-già Kinh Kim Cương Bát-nhã, Kinh Niết-bàn, Kinh Thắng-man, Kinh Giải Thâm Mật; Kinh Pháp Hoa; Kinh Vô Cấu Xưng, Du-già, Nhiếp Luận; Hai luận Bát-nhã; Đối pháp; Phật địa, luận Duy thức, Bảo tánh, v.v... Và Pháp Hoa sơ, Vô Cấu Xưng Sở đã nói rộng về tướng nói pháp sai biệt kia.

-----

## CHƯƠNG PHẬT ĐỘ

Nghĩa Phật độ, dùng tám môn để phân biệt:

- 1- Nói lên sự khác nhau.
- 2- Nêu ra thể tánh.
- 3- Nói về Nhân hạnh.
- 4- Bày ra tướng quả.
- 5- Giải thích về phân lượng.
- 6- Giải thích nơi chốn.
- 7- Chung, không chung.
- 8- Nói về các môn.

- *Thứ nhất nói lên sự khác nhau:* luận Phật Địa quyển 7 chép: “Thân Phật có hai”:

- 1- Sinh thân.
- 2- Pháp thân.

Nếu thân tự tánh, hoặc thọ dụng Phật đều cùng gọi là pháp thân. Các pháp công đức đã tu tập thành; hoặc thân biến hóa; hoặc tha thọ dụng, đều gọi là một sinh thân, thuận theo mọi đối tượng thích nghi, vì thường hiện sinh, nên tất cả cõi Phật, tất nhiên có thân cư trú. Vì thân đã có hai, nên cõi nước cũng vậy. Sinh thân, thì cõi nước có cả tịnh, uế. Pháp thân, thì cõi nước chỉ thanh tịnh.

Thân có hai:

- 1- Thật.
- 2- Quyền.

Thật, tức là pháp thân; Quyền tức là sinh thân. Cõi nước thuận theo cũng có hai là: Tịnh và uế như trước. Kinh Phật Địa chép: “Thân Phật có ba, tụng rằng: “Pháp tự tánh thọ dụng Biến hóa chuyển sai biệt”.

Luận Phật Địa chép: “Pháp tự tánh tức là thân tự tánh đầu tiên của Như Lai, vì thể thường không biến đổi, nên gọi là tự tánh, vì đối tượng y chỉ của các pháp công đức: lực, vô úy, v.v... cũng gọi là pháp thân. Thọ dụng: tức là thân thọ dụng, vì khiến cho các thứ pháp lạc vĩ đại của thọ dụng tự tại”.

Biến hóa: Tức thân biến hóa, vì muốn đem lại lợi ích, yên vui cho hữu tình, nên thị hiện các thứ biến hóa, mặc dù thể tánh của pháp giới thanh tịnh, không có khác nhau, nhưng vẫn có các thứ tướng của ba thân, chuyển biến khác lạ không đồng, nên gọi là khác nhau.

Thân đã có ba, quốc độ thuận theo cũng vậy.

1- Cõi pháp tánh.

2- Cõi thọ dụng; hai cõi nước này chỉ có tịnh.

3- Vỡ biến hóa: chung cho sạch và nhớ.

Thành Duy Thức quyển 10 chép: “Thân Phật có bốn, cõi nước Phật cũng như vậy”.

1- Thân tự tánh: Dựa vào cõi nước pháp tánh, khen ngợi Đại thừa. Kinh Công Đức chép: “Bạc-già-phạm này trụ tạng pháp giới, nói kinh điển Đại thừa kia, trụ cõi nước pháp tánh”.

2- Thân tự thọ dụng: Y chỉ cõi nước tự thọ dụng.

3- Thân tha thọ dụng: Nương tựa độ của tha thọ dụng, kinh Phật Địa chép: “Trụ mười tám hòa quang sáng chói viên mãn hơn hết”.

4- Thân biến hóa y chỉ độ biến hóa, kinh này chép: “Trụ ở thành trang nghiêm, rộng rãi”.

Ba thân cõi trước chỉ có sạch không có nhớ; độ biến hóa sau, có cả sạch và nhớ, vì Bồ-tát Thập địa hiện thân và cõi, không có nhớ, chỉ có sạch. Vì Bồ-tát Địa Tiên, chung cho Nhị thừa, hiện chung cả sạch và nhớ. Nếu vì phân biệt phiền não và sở tri chướng chưa hết, chưa chứng chân như hai không, thì thân, cõi đã hiện hoặc sạch, hoặc nhớ. Nếu vì hai phân biệt chướng tận và người đã chứng hai không thì thân cõi đã hiện, tất nhiên là tịnh”.

Luận Phật Địa chép: Ba thân có bốn câu:

1- Thọ dụng chẳng phải biến hóa. Nghĩa là thân tự thọ dụng.

2- Biến hóa chẳng phải thọ dụng. Nghĩa là thân biến hóa.

3- Vừa thọ dụng, vừa biến hóa. Nghĩa là thân Tha thọ dụng.

4- Chẳng phải thọ dụng, chẳng phải biến hóa. Nghĩa là thân tự tánh, cũng đồng với Duy Thức.

Kinh Đại Bát-nhã quyển 568, Thắng Thiên Vương hội quyển ba chép: “Phật có mười thân”.

1- Thân bình đẳng.

2- Thân thanh tịnh.

3- Thân Vô tận.

4- Thân khéo tu.

5- Thân pháp tánh.

6- Thân lia tầm, từ.

7- Thân không tư duy, nghị luận.

8- Thân tĩnh lặng.

9- Thân hư không.

10- Thân diệu trí,

Thiên Vương bạch rằng: “Vị nào được mười thân của Như Lai?”.  
Phật nói: “Sơ địa được thân bình đẳng chung cho đạt pháp tánh, là các tà vạy bất chánh, vì thấy bình đẳng”.

Nhị địa, được thân thanh tịnh, là lỗi lầm phạm giới, vì giới thanh tịnh.

Tam địa, được thân vô tận, là dục tham, giận, vì được định thù thắng.

Tứ địa, được khéo tu thân vì thường siêng năng tu tập phần Bồ-đề.

Ngũ địa được thân pháp tánh, vì quán các đế lý, chứng pháp tánh.

Lục địa được thân lìa tâm, từ, vì quán lý duyên khởi, lìa tâm, từ.

Trong địa thứ bảy, được thân không suy nghĩ bàn luận, dùng phương tiện mầu nhiệm khéo léo, vì trí hạnh mãn.

Bát địa, được thân vắng lặng, vì lìa các phiền não, lời nói riêng.

Cửu địa, được thân hư không, vì tướng thân vô tận, cùng khắp tất cả.

Thập địa, thân được diệu trí, vì trí Nhất thiết chủng viên mãn”.

Thiên Vương lại nói: “Thân Bồ-tát có khác nhau hay không? Phật nói: “Này Thiên Vương! Thân không có khác nhau, nhưng công đức có khác, vì tất cả pháp đồng một pháp tánh, nên thân không có khác. Các thân Như Lai đủ các công đức, các Bồ-tát thì không như vậy, nên công đức khác. Nói rộng, vô lượng thí dụ hiển bày rõ, nên biết mười thân đều chỉ cho pháp thân. Pháp thân y cứ vào nghĩa đã có mười tên gọi, cho nên thân như thuận theo đức vượt hơn, cũng thành mười cõi”.

1- Cõi biến hành.

2- Cõi tối thắng (hơn hết).

3- Cõi dòng chảy vượt hơn.

4- Cõi không có nhiếp thọ.

5- Cõi giống nhau không có riêng.

6- Cõi không có nhiễm, tịnh.

7- Cõi pháp không riêng.

8- Cõi không thêm bớt.

9- Cõi Trí tự tại.

10- Cõi nghiệp tự tại.

Cũng thuận theo chủ thể chứng riêng, chia làm mười cõi. Vì y cứ vào nghĩa riêng, nên luận Phật Địa chép: “Lại, kinh khác nói có mười loại Phật, tức kinh Hoa Nghiêm:

- 1- Phật hiện Đẳng giác.
- 2- Phật thế nguyện rộng lớn.
- 3- Phật nghiệp dị thực.
- 4- Phật trụ trì.
- 5- Phật Biến hóa.
- 6- Phật pháp giới.
- 7- Phật tâm.
- 8- Phật định.
- 9- Phật bản tánh.
- 10- Phật tùy thuận sự ưa thích.

Năm thế tục trước, năm thắng nghĩa sau, thuận theo đối tượng thích ứng của thế tục, thắng nghĩa, thuộc về ba thân. Vả lại, thuận theo tướng thô, phối hợp với ba thân.

Đầu tiên, năm hóa thân; tiếp theo hai pháp thân; sau ba thọ dụng. Đã tức ba thân, cõi cũng ba cõi, không còn có nghĩa riêng”. Du-già quyển tư chép: “Lại nữa, có Bồ-tát vượt qua trụ xứ của Tịnh cư, Đại Tự Tại; có Bồ-tát Thập Địa do vì cùng cực huân tu địa thứ mười, nên được sinh trong đó, tức Hoa Nghiêm chép: “Có cõi diệu tịnh vượt ngoài ba cõi. Bồ-tát địa thứ mười sẽ sinh trong đó, cũng tức luận Thập Địa chép: “Lợi ích hiện báo, vì thọ vị Phật; lợi ích báo sau, vì lĩnh vực trí sinh Ma-hê-thủ-la. tiếng Phạm là: Ma-hê-thủ-la tức Du-già sớ rằng: “Đại Tự Tại”. Bồ-tát địa thứ mười”.

Bồ-tát địa thứ mười khi sắp thành Phật, đi qua cõi Sắc Cứu Cánh, ngồi hoa sen báu vĩ đại, vì thành Chánh giác, nên cảm được cõi nước này. Đã thành Phật xong, cõi nước ấy là vô biên, lại không có nơi chốn riêng.

Đối pháp quyển 6 chép: “Lại nữa, có thế giới thanh tịnh, chẳng thuộc về khổ đế, vì chẳng phải sinh ra bởi sức nghiệp phiền não đã khởi. Nhưng do đại nguyện thanh tịnh, được dẫn phát bởi gốc lành tăng thượng; xứ đã sinh này không thể suy nghĩ, bàn luận, chỉ đối tượng giác ngộ của Phật, còn không phải là người được tể trị, cảnh giới tể trị, hưởng chi người tầm, từ. Cõi nước tự thọ dụng này chỉ là sở tri của Phật, còn không phải Thập địa, cảnh giới của Nhị thừa, hưởng chi không phải là bậc Thánh, người có tầm, từ đã có thể biết. Dù có các giáo, các thứ khác nhau và như trên đã nói”.

Sự khác nhau của thân, cõi, không quá ba, bốn lại không giải thích cách khác, như lý nên biết.

- **Thứ hai là phát ra thể tánh:** Thân, cõi tự tánh, tức lý chân như. Mặc dù thể của thân, cõi này không có khác nhau, nhưng thuộc về pháp Phật, vì tướng, tánh khác nhau, dùng tướng nghĩa làm thân, dùng thể tánh làm cõi nước; dùng tướng giác làm thân; dùng pháp tánh làm cõi nước. Thể đủ công đức chân lý như số cát sông hằng. Thân, cõi của Đức Phật này đều không thuộc về sắc, không phải tâm, tâm sở, chỉ y cứ vào nghĩa khác nhau nhất như để nói. Thân tự thọ dụng lại nương tựa cõi mình, nghĩa là trí viên cảnh tương ưng với tịnh thức. Do xưa đã tu lợi mình, vô lậu thuần tịnh, nhân duyên cõi Phật thành thực. Từ đầu tiên thành Phật, cùng tận mé vị lai, nối nhau biến thành cõi Phật thuần tịnh, chỉ dùng sắc uẩn vô lậu, sắc, hương, vị, xúc nối nhau bốn trần xen hở, cũng dùng năm trần như: tiếng, v.v... làm tánh, thể đủ công đức của tự tướng sắc pháp”.

Đối pháp đã nói: “Chỉ có đối tượng mà Phật giác ngộ, còn không phải người được tĩnh lự, cảnh giới tĩnh lự, hướng chỉ người tâm, từ, tức là thân tha thọ dụng của cõi này, lại dựa vào cõi mình, nghĩa là năng lực đại từ bi của trí bình đẳng, do xưa đã tu hạnh lợi tha, thành tựu nhân duyên của cõi Phật thuần tịnh, vô lậu. Thuận theo đối tượng thích nghi của Bồ-tát Thập địa, biến thành tịnh độ, cõi khí thế gian cũng dùng năm trần, bốn trần, sắc uẩn vô lậu mà làm thể tánh. Ví như cõi nước của vua người ở thế gian dùng cõi hữu tình và khí thế giới, làm thể tánh lia hai, vì không có cõi nước và vua riêng, nên do thân tha thọ dụng này sở hữu Tịnh độ, cũng do thành năm uẩn Bồ-tát Thập địa và dùng vàng, bạc, v.v... đã hình thành cõi nước, khí thế giới bốn trần, v.v... làm thể tánh”.

Kinh Vô Câu Xung quyển 1 chép: “Cõi của các hữu tình, đây là cõi Phật nghiêm tịnh của Bồ-tát, tất cả Bồ-tát thuận theo các hữu tình thêm lớn lợi ích, tức là nhiếp thọ cõi Phật nghiêm tịnh, cho đến nói rộng. Độ của đạo nghiệp mười điều lành, là cõi của Phật, Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, người giàu to, phạm hạnh, cho đến hữu tình chánh kiến sẽ sinh ở đương lai. Vì nước của họ, nên biết hữu tình và khí thế gian kia, đều gọi là cõi nước Phật, Trì Kế đã nói: “Ta thấy cõi nước của Phật Thích-ca rất nghiêm tịnh. Lại nữa, có vô lượng công đức báu trang nghiêm, cũng là cõi của tha thọ dụng, Trì Kế là địa thứ tám”.

Kinh Pháp Hoa chép: “Chúng sinh thấy kiếp tận, khi bị lửa lớn đốt, cõi nước này của ta vẫn yên ổn, trời, người thường đông đủ”. Kinh Phạm Võng chép: “Nay, ta Lô-xá-na, đang ngồi tòa hoa sen, một hoa một trăm ức cõi, một cõi một Thích-ca”, tức cõi tha thọ dụng”. Luận

Tịnh độ của Bồ-tát Thế Thân nói: “Người nữ và căn thiếu, giống Nhi thừa không sinh, đều là cõi nước tha thọ dụng. Cõi nước Phật này, đối tượng do Phật biến hiện, nhất định chỉ có vô lậu. Đối tượng biến hóa của Bồ-tát, có cả hữu lậu, vô lậu. Đối tượng biến hiện của năm thức, thức thứ tám chỉ có hữu lậu. Ý thức thứ sáu hoặc thức thứ bảy và đối tượng biến chuyển, có chung vô lậu”.

Cõi nước của hữu tình kia chung cho dùng công đức của năm uẩn làm tánh. Cõi nước, khí thế giới này đủ mười tám viên mãn. Thân biến hóa của Phật ở trở lại cõi nước mình, nghĩa là năng lực đại từ bi của trí Thành sự, do xưa đã tu nhân duyên cõi Phật tịnh, uest vô lậu lợi tha thành thực. Thuận theo hữu tình chưa đặng địa, đã tuyên hóa làm cõi nước Phật, hoặc tịnh, hoặc uest, như tịnh độ của Di-lặc; uest độ của Thích-ca. Trong cõi Thích-ca nói Kinh Vô Câu Xung, đủ chưa xét nghiệm hiện uest ở trước chẳng phải tịnh; xét đủ về sau, tạm thời khiến cho thấy tịnh; khi Phật nói kinh Pháp Hoa, chư Phật mười phương nhóm hợp tịnh mà chẳng phải uest; chưa nhóm hợp về trước, là uest mà chẳng phải là tịnh”. Kinh Niết-bàn cũng chép: “Lúc bấy giờ, Tam thiên đại thiên thế giới, do năng lực thần thông của Phật, đất đều mềm mại, không có gò nong, đất, đá, cát, gạch, cũng thuộc về hóa độ, thuận theo đối tượng thích nghi sinh mà vì hiện cõi nước, nên cõi nước này cũng dùng năm uẩn hữu tình và khí thế giới như bốn trần, v.v... làm thể tánh. Đối tượng biến hóa của Phật, chỉ có vô lậu; biến hóa của hữu tình khác, có chung vô lậu. Thức thứ sáu và đối tượng biến hóa có cả vô lậu. Thức còn lại và đối tượng biến hóa chỉ có hữu lậu, mặc dù có các thứ châu báu trang nghiêm”.

Y cứ vào pháp phát ra thể, cõi nước ngoài, chỉ có sắc; độ trong có cả năm, năm uẩn hữu tình, đối tượng hóa độ được hình thành. Hoặc dường như có công đức, hoặc dường như không có công đức.

- **Thứ ba là nói về nhân hạnh:** Kinh trên đây nói: “Phát tâm Vô thượng Bồ-đề, chính là vì Bồ-tát nghiêm tịnh cõi Phật. Khi Bồ-tát chứng đắc đại Bồ-đề, tất cả phát ra thu hưởng Đại thừa hữu tình sinh đến ở nước đó, ý vui thuần túy, khéo gia hạnh ý vui trên; Sáu Ba-la-mật; bốn vô lượng, phương tiện mâu nhiệm của sự bốn nhiếp. Ba mươi bảy thứ pháp phần Bồ-đề, tu hồi hưởng, khéo nói dứt trừ tám thứ không có nhân rồi, tự giữ gìn giới hạnh, không chê bai sở đoản của người kia. Mười nghiệp đạo lành hợp với mười tám thứ tịnh tu cõi Phật, đều là nhân tố của Tịnh độ; Văn dưới của kinh nói: “Thành thực tám pháp, sinh về tịnh độ”. Phẩm Hương Đài chép: “Các chúng Bồ-tát ở thế giới kham nhẫn,



thành tựu tám pháp, không có hủy hoại, không có tổn hại. Ở đây qua đời sinh về tịnh độ khác”.

1- Nghĩ rằng: Đối với hữu tình, ta nên làm việc lành, không nên hy vọng quả báo tốt ở họ.

2- Nghĩ rằng: Ta nên thay thế tất cả hữu tình, để cam chịu mọi khổ não. Gốc lành của ta đều hồi hướng cho chúng.

3- Nghĩ rằng: Đối với các hữu tình, với tâm đáp lại, tâm bình đẳng, không có trở ngại.

4- Nghĩ rằng: ta nên đối với tất cả hữu tình kia, chiết phục kiêu hãnh, ngạo mạn, kính yêu như Phật.

5- Tin hiểu tăng thượng, đối với người chưa nghe thọ lãnh kinh điển rất sâu, tam thời được lắng nghe, không có nghi, không có chê bai.

6- Thấy lợi dưỡng của người khác, không có tâm ganh ghét; đối với lợi dưỡng của mình, không sinh tâm kiêu hãnh, ngạo mạn.

7- Điều phục tâm mình, thường cảnh giác lỗi lầm của mình, không chê bai sự trái phạm của người khác.

8- Thường không có buông thả.

Đối với các pháp lành, thường ưa tìm cầu, tinh tấn tu hành pháp phần Bồ-đề.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói rộng về các quán nhân sinh tịnh độ, cho đến hiếu thảo, nuôi nấng cha mẹ, kính thờ sư trưởng, mười niệm thành tựu, đều là nhân Tịnh độ”.

Kinh Luận Phật Địa và Nhiếp Đại Thừa đều nói: “Đã khởi gốc lành xuất thế gian vượt hơn, chỉ nói gốc lành vô lậu làm nhân; dù có các vấn khác nhau như thế, đều thuận theo cơ nghi đã hóa độ vốn đồng, nên nghe nói hành, chẳng phải nhất định chỉ như vậy, nên Đối pháp nói: “Vì chẳng phải do năng lực phiền não nghiệp sinh, nên chẳng phải khởi nghiêng phiền não tăng thượng. Nhưng do nguyện lớn đã dẫn phát gốc lành thanh tịnh, tóm lại, nhân Tịnh độ: 1/ Do gốc lành, 2/ Do nguyện lớn. Nếu không tu gốc lành, thì cõi nước Phật sẽ không có nhân, không phát nguyện vĩ đại thì cõi Phật sẽ không có duyên, bởi nhân, duyên đầy đủ mới cảm quả. Như giúp đỡ chi hữu nhuận sinh, mới cảm quả hai cõi nước trong, ngoài, nên chủ yếu tu mọi công hạnh, dùng nguyện làm tư lương, mới được sinh về cõi Phật. Không như vậy, ấy là không có nghĩa thấy Phật, nghe pháp, sinh cõi nước Phật”.

Tướng chung dù như vậy, nhưng nhân vượt hơn của bốn cõi nước Phật đều riêng, nghĩa là cõi nước pháp tánh chỉ dùng hai không, trí vô

phân biệt làm nhân duyên của cõi nước đó, vì chứng lý pháp tánh chỉ có trí này. Cõi nước tự thọ dụng, chỉ dùng lợi mình, trí Hậu đắc làm nhân duyên cho độ tự thọ dụng kia. Năm uẩn của sự chứng, chỉ vì trí này, nên cõi nước tha thọ dụng và cõi biến hóa chỉ để lợi ích người khác, trí Hậu đắc là nhân duyên của cõi nước tha thọ dụng đó.

Kinh Bát-nhã nói: “Trang Nghiêm cõi Phật. Trang Nghiêm cõi Phật tức không phải trang nghiêm cõi Phật, đó gọi là Trang nghiêm cõi Phật”.

Thiên Thân giải thích rằng: “Trí tập Duy thức chung cho nhận lấy Tịnh độ như thế, không phải hình thể thứ nhất, chẳng phải nghiêm ý trang nghiêm, rộng như kinh kia đã nói, chính đồng với luận này. Ở đây nói chúng sinh được hóa độ, ở các cõi Phật; nhân của cõi Phật là khác”.

Cõi nước pháp tánh kia, Bồ-tát Thập địa cũng dùng trí vô phân biệt làm nhân duyên cho cõi nước đó. Cõi nước pháp tánh tròn đầy, mười địa không sinh, chia ra có hội chứng Bồ-tát cũng được.

Vì như trước đã nói, nên các luận chép: “Sơ địa trở lên, sinh vào nhà Như Lai, nghĩa là pháp giới thanh tịnh, gọi nhà Như Lai, vì hội chứng ở trong đó, gọi là sinh, nên cõi nước tự thọ dụng, Thập địa không sinh, biết mà không chứng, độ tha thọ dụng, Hậu trí của Bồ-tát Thập địa, làm nhân duyên cho cõi kia. Trí vô phân biệt, trí gia hạnh, v.v... mà là nhân giúp đỡ của cõi kia”. Luận Phật Địa cũng chép: “Vô Phân biệt nghĩa là giúp nhau, lý trí biện luận chung, không làm nhân duyên sự. Nếu trước địa của cõi nước biến hóa, phạm phu dùng trí gia hạnh; nhị thừa cũng dùng trí Hậu đắc làm chánh nhân duyên”.

Các thuyết đã nói trên đều là chánh nhân duyên. Nếu gồm giúp, cho nhân và giúp cho duyên, nghĩa là thuận theo cõi nước hợp lý, dùng sự, hạnh và nguyện làm đắc giúp duyên. Nếu cõi nước sự thì sẽ dùng lý hạnh và nguyện làm duyên giúp cho sự sinh; Tịnh độ hữu lậu dùng vô lậu làm giúp đỡ, cõi nước vô lậu dùng hữu lậu làm trợ duyên, nên Đối pháp chép: “Chỉ dùng nguyện lớn, gốc lành làm nhân mà được sinh khởi”.

Các giáo đã nói, mỗi thứ khác nhau, đều thuận theo đối tượng cơ nghi, hợp thời mà nói, chẳng phải liền quyết định”. Vô Cấu nói: “Tám pháp không thiếu sót được, sinh về Tịnh độ”. Luận Phật Địa chép: “Đã khởi gốc lành xuất thế gian vượt hơn, hai trí này là nhân của tha thọ dụng”.

Kinh Vô Cấu chép: “Phát khởi độ của tâm Vô thượng Bồ-đề, cho

đến mười nghiệp đạo lành, đây là người tịnh tu Phật độ: nói chung cho hai nhân hữu lậu, vô lậu, giúp nhau sinh về cõi nước tha thọ dụng; cũng có thể nói chung, sinh về Tịnh độ biến hóa”. Quán kinh nói: “Các quán và sự hiếu thảo, kính nuôi cha, mẹ, v.v... cho đến mười niệm làm nhân tố Tịnh độ: đây có hai nghĩa”.

1- Y cứ vào Nhiếp Đại thừa, v.v... thì Tây phương chính là cõi nước tha thọ dụng. Bài tựa Quán Kinh chép: “A-Bệ-Bạt-Trí, là Bồ-tát bất thối mới được sinh, chẳng phải dùng chút ít nhân duyên phước đức gốc lành mà được sinh về”.

Luận Tịnh độ của Vô Trước, Thiên Thân chép: ‘ Người nữ, người căn thiếu, hạt giống nhị thừa, v.v... đều không sinh”.

Nhiếp Đại Thừa nói: “Không phải chỉ do năng lực của nguyện là được sinh, vì ý, thời điểm riêng, như dùng một đồng tiền để trao đổi được một ngàn đồng tiền, với thời gian khác nhau mới được, không phải hiện nay thì được; mười niệm vãng sinh cũng giống như thế, mười niệm là nhân, về sau mới sinh dần, không phải do mười niệm sau khi chết liền sinh, vì trừ kẻ lười biếng, không tu việc lành, khiến họ niệm. Phật dạy: “Vì nhân mười niệm sinh Tịnh độ. Lại nói: “Tương ánh sáng, lượng thân của Phật A-di-đà, như năm Tu-di, không phải tha thọ dụng, đâu có chấp nhận như vậy”. Lại, Kinh Quán Âm thọ ký chép: “Sau khi Phật A-di-đà diệt độ, Bồ-tát Quán Âm tiếp theo, bổ xứ ở đương lai”. Thập Địa Đại hình nói: “Bổ xứ đương lai, chẳng phải tha thọ dụng thì là Phật nào?”

2- Rằng: “Tây phương chung cho hai độ: Báo, hóa. Về chứng văn của báo, độ, như trước đã nói”.

Chứng của độ biến hóa, Kinh Cổ Âm Vương chép: “Phật A-di-đà, cha tên Nguyệt Thượng, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan, có con, có ma, cũng có Điều-đạt; cũng có ngôi thành của vua. Nếu chẳng phải hóa thân, thì đâu có việc này?”

Quán Kinh chép: “Trong chín phẩm sinh, vì có A-la-hán, Tu-đà-hoàn, v.v... nên người sinh về Tịnh độ kia chung cho có ba thừa; cõi nước kia chung cho hai cõi: báo, và hóa này”.

Nếu dựa theo cách giải thích trước thì đây là thân tha thọ dụng thị hiện, cũng có cha, mẹ, vua, nước, thật sự là không có, thật sự không có người nữ, đường ác, nỗi sợ hãi, v.v..”.

A-la-hán, v.v... trong chín phẩm sinh, là mượn tên A-la-hán kia để nói, thật ra là Bồ-tát.

Hai cách giải thích, mặc tình lấy bỏ tùy ý.

- **Thứ tư, là tướng quả:** Kinh Phật Địa chép: “Tịnh thức rất tự tại là Tướng”. Luận Tịnh Độ kia giải thích: “Dùng tâm vô lậu của Phật làm thể tướng, vì chỉ có thức, nên chẳng phải lìa ngoài thức mà có cõi nước kia, nghĩa là cõi pháp tánh, tức tâm pháp tánh. Cõi này không lìa ngoài trí vô phân biệt tương ứng với tịnh thức, là thật tánh thức. Thọ dụng tự, tha và cõi biến hóa đều không rời trí Hậu đắc của Phật tương ứng với tịnh thức. Nhưng thức có khác, cõi tự thọ dụng tức thức thứ tám; cõi của tha thọ dụng, tức thức thứ bảy; cõi biến hóa kia, tức năm thức trước. Thuận theo thích ứng là trí Hậu đắc kia tương ứng với thức”.

Bồ-tát Thập địa thấy cõi nước pháp tánh và cõi tha thọ dụng, ba thừa trước kia, thấy cõi biến hóa, đều thuận theo đối tượng thích ứng, không lìa người thấy, vì hữu lậu, vô lậu hay quán tịnh thức, nên kinh này chép: “Nếu muốn siêng tu nghiêm tịnh cõi Phật, thì trước phải dùng phương tiện nghiêm tịnh tâm mình, thuận theo các Bồ-tát tự tâm nghiêm tịnh, liền được cõi Phật nghiêm tịnh như thế”.

Luận Bát-nhã của Bồ-tát Thiên Thân chép: “Trí tập chỉ thức thông, vì nhận lấy Tịnh độ như thế, nên tu nhân trí, thức quả, ấy là tịnh. Thức nội đã tịnh, cảm chúng sinh ngoài và cõi nước, khí thế gian đều thanh tịnh, rộng như kinh nói, cũng thuận theo người thấy được tương ứng với thức, như trước so sánh mà biết”.

- **Thứ năm, là phân lượng:** Luận Phật Địa, Duy thức đều chép: “Cõi pháp tánh mặc dù chẳng thuộc về sắc, không thể nói hình lượng lớn, nhỏ của nó, nhưng y cứ vào sự tướng, thì lượng chúng sẽ vô biên. Ví như hư không khắp tất cả mọi nơi”.

Về cõi tự thọ dụng, Kinh Thập Địa chép: “Bồ-tát địa thứ mười được sinh lên cung trời Đại Tự tại, có mười tướng quả hiện, có tòa hoa sen vĩ đại, tròn khắp như mười A-tăng-kỳ trăm ngàn Tam thiên đại thiên thế giới với số lượng nhiều như cát bụi. Xuất địa thứ mười, Bồ-tát ngồi lên tòa Chánh giác. Đã thành Phật xong, cũng tận mé vị lai, biến hóa nối nhau thành cõi nước Phật thuần túy thanh tịnh, tròn khắp không có bờ mé, trang nghiêm bằng các thức châu báu. Thuận theo cõi Pháp tánh vì lượng vô biên. Độ tha thọ dụng, thuận theo cơ nghi của Bồ-tát Thập địa mà hóa hiện hoặc nhỏ, hoặc lớn; hoặc thua kém; hoặc vượt hơn, thay đổi trước sau”.

Kinh Phạm Võng chép: “Nay, ta là Lô-xá-na, đang ngồi tòa hoa sen, một hoa trăm ức cõi, mỗi cõi một Thích-ca”.

Nhiếp Luận, v.v... chép: “Bồ-tát Sơ Địa, tổ ngộ thập bách môn”,

thấy trăm cõi Phật, mỗi cõi nước Phật là thế giới Tam thiên, thế giới Tam thiên có một trăm ức tứ thiên hạ; mỗi tứ thiên hạ đều có một hóa Phật. Trong thế giới Tam thiên có một trăm ức hóa Phật. Bồ-tát Sơ Địa thấy một trăm cái, một trăm ức hóa Phật; một thân thọ dụng. Thân thọ dụng ở một đài hoa sen báu vĩ đại, hoa có trăm cánh, mỗi cánh tức là Tam thiên Đại thiên thế giới. Một thọ dụng Phật, gọi là Lô-xá-na, trăm cái, trăm ức hóa Phật, gọi là Thích-ca, không lìa, một thân Lô-xá-na, có nhiều Thích-ca. Bồ-tát Nhị địa thấy một thọ dụng Phật ngồi trên hoa sen ngàn cánh, cho đến Thập địa đã thấy Phật rất vĩ đại, với vô biên cánh hoa. Lại trong Nhị địa thấy mười thân thọ dụng Lô-xá-na mà Sơ địa đã thấy có, ngàn trăm ức hóa thân Thích-ca, cho đến Thập địa thấy vô lượng thân thọ dụng Lô-xá-na mà Cửu địa đã thấy, vô lượng hóa thân Thích-ca. Số Phật trong các thế giới Đại thiên dù nhiều, nhưng vì không rời hóa thân của Thích-ca, nên gọi là đối tượng biến hóa của một vị Phật. Lại, trong Tiểu thừa chỉ nói một Phật không có nhiều hóa thân, cũng thuận theo căn cơ của Tiểu thừa kia, nói một Phật. Hoặc đạo tứ lương thấy một tứ thiên hạ có một Phật làm chủ. Trong đạo gia hạnh thấy ba Tam thiên có một Phật làm chủ. Từ Sơ địa trở lên, vì thấy tăng dần, nên độ tha thọ dụng, lượng ấy không nhất định. Cõi nước biến hóa kia, hoặc tịnh, hoặc uế; hoặc tiểu; hoặc đại, chuyển đổi trước sau, cũng không có giới hạn nhất định, vì thuận theo cơ nghi của chúng sinh, hóa hiện cùng một lúc”.

Kinh Vô Cấu Xưng chép: “Ngón chân Phật đề lên thế giới đại thiên thanh tịnh. Vô Cấu sắp đến dự, bèn biến thành Tỳ-da thành thanh tịnh, nói Kinh Pháp Hoa, đầu tiên, là biến đổi Đại thiên, tiếp theo biến đổi mười phương, mỗi phương đều có hai trăm muôn ức cõi Phật, sao cho thanh tịnh. Về sau, lại biến chuyển lại, nên biết đại, tiểu tùy thuộc ở thời lượng không nhất định”. Kinh Anh Lạc chép: “Phật Tỳ-lô-xá-na là Pháp thân; Phật Lô-xá-na là thân thọ dụng; Phật Thích-ca Mâu-ni là hóa thân, nên tạo ra thuyết này”.

- **Thứ sáu, là nơi chốn:** Cõi pháp tánh kia, tức lý chân như, không có nơi chốn riêng, cõi nước tự thọ dụng cũng đầy đủ, pháp giới, lại không có nơi chốn riêng.

Về cõi nước Tha thọ dụng, Kinh Phật Địa chép: “Siêu vượt qua chỗ sở hành của ba cõi”. Luận kia giải thích: “Không phải ái ba cõi; vì đối tượng chấp thọ, nên lìa hai ràng buộc: tương ứng, đối tượng duyên, tùy tăng, nói vượt qua ba cõi, nên là thuộc về tánh thiện của Đạo đế”.

Luận kia có ba cách giải thích:

Có nghĩa: đều riêng; có chỗ nói ở trên trời Tịnh cư, có chỗ nói ở Tây phương, v.v... có nghĩa: đồng xứ Tịnh độ tròn khắp, không có bờ mé, cùng khắp pháp giới.

Nghĩa như thật: Cõi tự thọ dụng, cùng khắp pháp giới, chẳng có chỗ nào không có. Không thể nói rằng, lia xứ ba cõi, tức chỗ ba cõi. Nếu cõi nước Tha thọ dụng; hoặc ở trên trời Tịnh cư cõi Sắc. Hoặc nơi chốn Phương Tây v.v... không nhất định. Pháp Hoa cũng chép: “Chúng sinh thấy kiếp tận, khi bị lửa lớn đốt, cõi nước này của ta vẫn yên ổn. Trời, người thường đầy đủ. Đối tượng thấy của Thập địa chính là báo độ; đối tượng thấy của Địa tiền chính là hóa độ, thuận theo cơ nghi mà hóa hiện. Đâu được nhất định, mới chỉ riêng một chỗ. Vì muốn cho chúng sinh khởi tâm ưa thích vượt hơn; chỉ riêng nơi chốn, thuận theo chỗ thanh tịnh của tâm, tức xứ Tịnh độ, độ hóa tất nhiên, thuận theo nơi chốn ba cõi, tùy ý vật hóa sinh, tức thì hóa hiện”.

Người xưa đối với mỗi thứ này, phân biệt ngoài ba cõi, có nơi chốn riêng, dùng làm Tịnh độ. Về lý, tất nhiên không như vậy. Đối tượng hóa tất nhiên có thức dị thực tồn tại. Thức dị thực tồn tại, tất nhiên thuộc về ba cõi này, đâu được ra khỏi giới độ, không hệ thuộc cõi, nói là vượt ra ba cõi, không có nơi chốn riêng, vì thuận theo đối tượng hóa.

- **Thứ bảy là chung, không chung:** Thành Duy thức chép: “Cõi nước pháp tánh kia, vì tất cả Như Lai đều đồng đối tượng chứng, nên thể không có khác nhau, cõi nước tự thọ dụng dù tất cả Phật đều biến hóa khác nhau, mà đều vô biên, không chướng ngại nhau. Hai cõi Phật khác, thuận theo các hữu tình đối tượng hóa độ của Như Lai mà có chung, không chung”.

Đối tượng hóa độ chung: Đồng xứ, đồng thời lượng, thuận theo thích ứng, chư Phật đều biến hóa thành cõi, hình trạng giống nhau, không chướng ngại nhau, lần lượt xen lẫn nhau làm tăng thêm một duyên, khiến cho đối tượng hóa sinh, tự thức biến hiện, nghĩa là đối với một cõi có một thân Phật, vì hiện thân thông, nói pháp, lợi ích chúng sinh, như chúng sinh của cõi nước này, nên nghe chư Phật: Thích-ca, Di-lặc, Di-đà v.v... này, tức biến hóa chung.

Đối với không chung: Chỉ một Phật biến hóa, các loại hữu tình, từ vô thủy đến nay, chủng tánh pháp nhĩ, lại hệ thuộc nhau. Hoặc phần nhiều thuộc về một; hoặc một thuộc về nhiều, như Phật Đễ-Sa giúp cho Bồ-tát Thích-ca vượt qua chín kiếp, v.v... nên đối tượng hóa sinh có

chung, không chung. Không như vậy, thì nhiều Phật ở lâu thế gian, đều thờ phụng hữu tình vất vả khổ nhọc thật là vô ích. Một vị Phật có khả năng làm lợi ích tất cả chúng sinh. Do biến hóa, độ tha thọ dụng này có chung, không chung.

**- Thứ tám là các môn, trong đó có mười:**

- 1- Đứng đầu cõi nước.
- 2- Phụ giúp.
- 3- Quyến thuộc.
- 4- Gìn giữ.
- 5- Sự nghiệp.
- 6- Nhiếp ích.
- 7- Không sợ hãi.
- 8- Con đường bước đi.
- 9- Sở thừa.
- 10- Nhập môn.

- *Thứ nhất là đứng đầu cõi nước:* Kinh Phật Địa chép: “Nơi cư trú của Như Lai. Nghĩa là cõi nước của chư Phật, chư Phật làm chủ. Vì thù thắng, nên không phải chỗ ở khác, chỉ thuộc Thế Tôn. Hoặc chỉ Thế Tôn trụ trì, nhiếp thọ, không phải chỗ ở khác có thể, tức ba thân Phật đều ở cõi nước mình làm chủ chẳng phải ai khác. Nghĩa là thể tánh của cõi Pháp tánh chỉ một pháp thân làm chủ, cõi nước tự thọ dụng dù khắp pháp giới, mỗi mỗi tự biến hóa, đều tự làm chủ, không chướng ngại nhau. Cõi nước tha thọ dụng và cõi biến hóa, dù chư Phật biến hóa, nhưng một hợp tướng, cũng một thân tướng, đều thuận theo thích ứng, nhiếp thọ, làm chủ, không chướng ngại nhau”.

- *Thứ hai, là phụ giúp:* Cõi nước pháp tánh kia và tự thọ dụng, chỉ có Phật mà ở không có phụ giúp. Bồ-tát Thập địa dù chia ra chủ thể chứng, nhưng không có khả năng phụ giúp pháp thân, vì pháp thân vô tướng.

Cõi nước tha thọ dụng. Kinh Phật Địa chép: “Các chúng Đại Bồ-tát đã nhóm họp, nghĩa là tịnh độ này thường có vô lượng đại Bồ-tát tăng thường xuyên đến giúp nên không có thù oán nào làm hại được. Chư Phật từ bi ở trong thức, thuận theo cơ nghi của Bồ-tát mà hóa hiện ra cõi nước thô, diệu. Bồ-tát tùy theo nguyện lực, gốc lành của mình, ở trên tự thức, mừng tượng như tượng Tịnh độ mà Phật đã sinh, biến hiện, dù là tự tâm, đều biến hiện riêng, nhưng vẫn đồng một chỗ, hình tướng tương tự, nghĩa là một cõi nước nhóm họp chung trong đó”.

Luận Phật Địa chép: “Tịnh độ do Thập địa biến hóa ra như thế, là hữu lậu hay vô lậu?”.

Sơ lược có ba nghĩa:

1- Có nghĩa: Vô lậu, tự hạt giống vô lậu, nhờ sự của nguyện lực, nên biến hóa sinh Tịnh độ, trong đó, thọ dụng pháp lạc của Đại thừa. Vì khả năng chứng chân như, được chân vô lậu, thường tận mặt thấy chư Phật, nên gồm thâu đạo đế.

2- Có nghĩa: Hữu lậu, nghĩa là gia hạnh trong tự tâm có hạt giống Tịnh độ hữu lậu, nhờ năng lực của thế nguyện giúp đỡ, nên biến sinh Tịnh độ, ở trong đó, thọ dụng pháp lạc của Đại thừa. Thất địa trở xuống, phiền não hiện khởi. Tu đạo của Thập địa, phiền não và hạt giống sở tri chướng vẫn tồn tại. Vì thế của thức thứ tám có công năng gìn giữ hạt giống kia, vì hiện đang tiếp nhận sự huân tập, nên cũng là hữu lậu, và vì thuộc về tánh vô ký, nên chẳng phải vô lậu. Lại, không phải các hữu tình có. Hai thân thật: Thân đã hữu lậu, mà đối tượng nương tựa là Tịnh độ, thì làm sao vô lậu? Nên chỉ có hữu lậu, vì thuộc về khổ đế.

Nghĩa như thật: Tịnh độ được biến hiện bởi tự tâm của Bồ-tát Thập địa, có hai: đối tượng biến hiện của thức thứ tám chỉ là hữu lậu, vì thuộc về tướng phần thứ tám hữu lậu, nên là đối tượng nương tựa của thân hữu lậu. Mặc dù năng lực pháp lành vô lậu đã giúp đỡ, huân tập tịnh diệu của tướng thức thứ tám kia, nhưng là hữu lậu, vì đối tượng hiện do thuận theo gia hạnh, v.v... cũng vậy. Nếu thuận theo tâm vô lậu Hậu đắc, biến ra ảnh tượng Tịnh độ là thuộc về tướng thức vô lậu, thì vì từ hạt giống lành vô lậu sinh, nên thể là vô lậu, thuộc về đạo đế, cõi nước biến hóa kia, nơi chúng ba thừa nhóm họp, là chỗ nhóm họp của bậc Thánh Nhị thừa, phàm phu Bồ-tát; đối tượng biến hóa của Phật chỉ là vô lậu.

Đối tượng biến khác.

3- Có nghĩa: Chỉ có hữu lậu, Hậu đắc vô lậu, không thể biến thành tướng Tịnh độ.

Có nghĩa: Cũng vô lậu, Hậu đắc vô lậu, vì thuận theo đối tượng biến của Phật, nên năng lực duyên tăng thượng cũng biến thành sự tướng, vì về mặt lý không trái.

Cách giải thích trước là khéo léo.

- Thứ ba, là quyển thuộc: Kinh Phật Địa chép: “Vô lượng trời, rồng, nhân, phi nhân, v.v... thường xuyên giúp đỡ. Từ cõi nước pháp tánh, độ tự thọ dụng kia, cả hai đều không có sự trợ giúp, vì vô tướng như trước đã nói. Độ tha thọ dụng chỉ có trời, người làm quyển thuộc,



không có loại khác. Mặc dù đã vượt ra ba cõi cõi như trời, v.v... nhưng vẫn là thuộc về ba cõi”.

Tịnh thức như thế, nhiếp thọ, biến hiện, vì trang nghiêm Tịnh độ, nên không trái nhau. Hoặc vì thành thực hữu tình, đối tượng hóa độ, thị hiện chủng loại, biến hóa như thế, như vì điều phục vua Kiếp-tỷ-noa, Phật hóa hiện vô lượng các vua Chuyển Luân có quyến thuộc vây quanh. Hoặc Phật tự hóa hiện, hoặc các Bồ-tát hóa thành loại này, giữ gìn Tịnh độ, trang nghiêm, cúng dường, theo giúp đỡ Như Lai, dẫn dắt phương khác”. Kinh Vô Lượng thọ cũng nói: “Chim cộng mạng, v.v... đều là đối tượng hóa ra của Phật A-di-đà; hóa thành Nhị thừa trang nghiêm tịnh độ cũng giống như thế”.

Trong cõi nước biến hóa, cũng dùng tám bộ chân thật để giúp đỡ, cõi nước tha thọ dụng, Bồ-tát là chân; tám bộ Nhị thừa đều là quyền hiện, vì chẳng phải chân thật được sinh trong đó, nên tám bộ Nhị thừa trong cõi nước biến hóa đều là chân thật; Bồ-tát Thập địa đều là dấu ấn quyền, vì Thập địa không nên sinh ở cõi nước biến hóa, vì quyền thị hiện hình hóa sinh ở trong cõi đó.

- *Thứ tư, là gìn giữ*: “Cõi nước pháp tánh, Đức Phật không cần phải gìn giữ, vì cõi tự thọ dụng, đã gìn giữ được pháp lạc”.

Cõi nước tha thọ dụng. Kinh Phật Địa chép: “Hỷ, lạc, pháp vị rộng lớn đã được gìn giữ, Bồ-tát Thập địa đã duy trì hỷ, lạc, pháp vị của Đại thừa”.

Ăn có công năng làm cho trụ, là nghĩa gìn giữ. Đã vượt qua ba cõi, tánh là vô lậu, dứt trừ được hữu lậu, không nên gọi là ăn. Vì nhân gìn giữ này, nên cũng gọi là ăn. Như pháp hữu lậu dù chướng ngại vô lậu. Nhưng gìn giữ hữu lậu được gọi là Ăn; Vô lậu cũng vậy. Dù dứt trừ hữu lậu, nhưng gìn giữ vô lậu, thì sao chẳng phải là ăn? Vì diệu trí Hậu đắc của chư Phật, Bồ-tát hay nói, hay thọ lãnh pháp vị của Đại thừa, sinh hỷ lạc lớn. Hoặc trí chánh thể thọ vị chân như sinh đại hỷ lạc, gìn giữ được thân khiến cho không đoạn không hư hoại, vì nuôi lớn pháp lành, nên gọi là Ăn.

Thất địa về trước cũng phần đoạn sinh, chẳng phải không hỗ trợ ở bốn đoạn, như xúc, v.v... Bát địa trở lên, và tất cả Phật không giúp sức cho đoạn thực, có thể nói là giúp cho thứ khác. Các luận đều nói là vì thị hiện y chỉ trụ, thuộc về cái ăn. Nếu cõi biến hóa thật sự giúp cho bốn cách ăn, thì cũng sẽ được nói là nuôi lớn pháp vị, làm thức ăn. Nghe như Diệu pháp Liên Hoa chép: “Vì sáu mươi kiếp trụ, nhưng phẩm phần Bồ-đề trong dưới kinh này chép: “Đã ăn pháp không chết, trở lại uống

vị giải thoát, dùng Niết-bàn không chết mà làm thức ăn, cảnh vắng lặng đã chứng sinh ra nổi mừng, vui, vì có thể gọi là ăn, nên gìn giữ được vô lậu, cũng không trái với từ ngữ ăn. Tuy nhiên, vì thể của các thức ăn này, các giáo nói khác nhau, rộng như chương riêng và sơ Pháp Hoa”.

- *Thứ năm, là sự nghiệp*: Pháp thân của Phật kia, hoặc chỉ lợi mình là hai thân nương tựa, hoặc chung cho cả hai lợi. Thân tự thọ dụng, chỉ có lợi mình. Nếu tha thọ dụng và thân biến hóa, thì chỉ thuộc về lợi tha, vì người khác hiện. Kinh Phật Địa chép: “Làm tất cả nghĩa lợi cho các chúng sinh. Đức Phật dù ở định vắng lặng, nhưng do năng lực nguyện, gia hạnh đã tu trước đây, tùy ý có thể tạo ra tất cả nghĩa lợi cho tất cả hữu tình. Trong cõi tha thọ dụng, phần nhiều nói pháp mầu, số ít tạo ra lợi ích, tất cả nghĩa lợi của ba thừa”.

- *Thứ sáu là Nhiếp ích*: tự tánh thân, cõi và tự thọ dụng đã dứt viên mãn, không nói Nhiếp ích.

Nghĩa nhiếp ích của tha thọ dụng kia; Kinh Phật Địa chép: “Diệt các phiền não, tai họa, triền nhơ, thì các phiền não được gọi triền nhơ, như thế, tức gọi là nhân tố của các tai họa. Vì trần phiền não nhơ trong đây không có, nên tai họa đã tạo trong đây cũng không có. Hoặc phiền não: tức mười phiền não”.

Kiến tu ba cõi, gồm có một trăm hai mươi tám thứ; triền có tám thứ, đó là: Vô tâm, vô quý, hôn trầm, ngủ nghỉ, trạo cử, ố tác, tật, san. Cấu có sáu thứ: nghĩa là: Hại, hận, não, siểm, cuống, kiêu. Tai hạnh tức là nghiệp đã phát động kia và quả đã được chủng trong chướng sở tri, gọi là phiền não, hiện khởi, gọi triền nhơ. Là hai thứ này gọi là Nhiếp ích. Như đời phong cho chủ, dù không nhiếp thọ, chỉ không bị tai hoạn; phong cho chủ hộ, cũng nói là chủ nhiếp ích. Sự nhiếp ích ở đây cũng vậy. Lại, hiện chứng được giải thoát triền nhơ, tai hoạn của phiền não. Vì phước trí cao quý nên gọi là nhiếp ích.

Bậc Thánh Nhị thừa trong cõi hóa thân, so sánh với sự nhiếp ích ở đây cũng vậy. Phạm phu, Bồ-tát dù chưa dứt bỏ phiền não, nhưng chiết phục hiện hành cũng gọi là nhiếp ích. Địa tiền gọi là hao hụt sức, giúp ích công năng, vì công năng chuyển vận đạo. Nhưng các vị này phân biệt hai chướng, trong bốn mươi tâm, chiết phục dần dần; ở trong đạo gia hạnh bốn gốc lành, có công năng chiết phục hết ngay. Sơ địa, dứt phiền não ngay, gọi là nhiếp ích. Hai chướng cấu sinh, trong đạo gia hạnh có thể chiết phục dần, thập địa thuận theo thích ứng, có thể dứt trừ dần. Sơ Địa trở lên, hay chế phục tức khắc, nên gọi là nhiếp ích.

- *Thứ bảy vô úy*: Trong có nhiếp ích; ngoài không có sợ hãi. Thân,

cõi pháp tánh, thọ dụng tự tha và thân biến hóa, lâu rồi không có sợ.

Kinh Phật Địa chép: “Xa lìa chúng ma, mắc bốn ma là nhân sợ hãi. Do nhân này có thể sinh ra các sợ hãi vì Phật đều không có sợ hãi kia, nên không có sợ hãi. Cõi nước tha thọ dụng, Bồ-tát Thập địa đã lìa bốn ma thô, không có năm nỗi sợ hãi: Phiền não, uẩn, chết, vì dứt trừ dần, kể là thuận theo thích ứng mà nói. Nghĩa ấy rất dễ hiểu. Trong cõi biến hóa, bậc Thánh ba thừa cũng chia ra chủ thể lìa, tám tướng thành đạo của Bồ-tát Thập trụ, chiết phục được ma trời. Trong đạo gia hạnh cũng có khả năng chiết phục, phân biệt phiền não, lìa ma phiền não”.

Sinh Quý Trụ trong thập trụ, lìa bỏ sinh tử, vì ra khỏi ba cõi, lìa hẳn ma chết. Khi nhập Sơ địa, lìa cái chết phần đoạn, cũng gọi phân ly ma năm uẩn. Cho nên, không có sợ.

- *Thứ tám, là con đường đi qua:* Kinh Phật Địa chép: “Công hạnh của niệm, tuệ lớn, dùng làm con đường đi qua”. Luận Phật Địa kia giải thích: “Nếu niệm lớn của các Đức Như Lai, tức là trí vô phân biệt. Do niệm an trụ lý chân như, nên trí vô phân biệt là con đường đã đi qua của cõi pháp tánh. Đại tuệ tức là trí Hậu đắc, vì phân biệt tướng chân, tục của các pháp, nên là hai thọ dụng và đường biến hóa. Vì hai thứ này đều có nghiệp dụng tăng thượng tạo rá tịnh độ, nên đều gọi là hành; vì đi sinh về Tịnh độ, nên đều gọi là con đường. Hoặc hạnh niệm lớn là hạnh lợi mình, vì gồm thân ghi nhận nội tại, là cõi pháp tánh và nẻo đường tự thọ dụng”.

Hạnh tuệ lớn: Là hạnh lợi tha, vì phân biệt bên ngoài, là tha thọ dụng và con đường biến hóa.

Trên đã nói Phật xong. Niệm lớn của Bồ-tát Thập địa: văn tuệ; tuệ lớn là tư tuệ; hạnh lớn là tu tuệ. Dùng ba tuệ này thuận theo đối tượng thích hợp của Bồ-tát, gần, xa giúp sức nhau, vì con đường của cõi hữu lậu, vô lậu kia, vì ba tuệ đều có chung vô lậu, nên nếu là cõi biến hóa thì ba thừa Địa tiền, cũng dùng ba tuệ làm con đường đi qua kia. Nhị thừa tu tuệ cũng chung cho vô lậu, phàm phu, Bồ-tát chỉ là hữu lậu, là con đường đi qua kia.

- *Thứ chín là Đối tượng thừa:* Chế ngự đối tượng thừa kia, vì đi trên con đường này, nên kinh Phật Địa chép: “Đại chỉ cho diệu quán dùng làm đối tượng thừa. Chỉ: nghĩa là đẳng trì tam-ma-địa; quán là Tuệ Bát-nhã. Vì chỉ quán vận dụng bình đẳng, nên gọi là đối tượng thừa. Đường là vị chung, chỉ, quán trong vị đều riêng, gọi là đối tượng thừa. Ba thân Phật thường nhân ở đây, đều nhập vào cõi có ba loại Phật. Bồ-tát Thập địa nhân ở đây nhập vào cõi tha thọ dụng. Nhị thừa Địa tiền thuận theo

thích ứng, cũng nhân phẩm chỉ, quán này mà nhập vào tịnh độ. Nếu hóa ra cõi ô uế, thì sẽ chung cho hệ tán, định, dùng làm đối tượng thừa. Không như vậy, thì sẽ không do đâu sinh về cõi Phật”.

- *Thứ mười, là nhập môn:* Vì từ nhập môn kia, chế ngự nhập cõi Phật này, nên kinh Phật Địa chép: “Đại không, vô tướng, vô nguyện, giải thoát là môn đối tượng nhập. Giải thoát, nghĩa là Niết-bàn, Duyên theo diệu trí này gọi là Môn; hoặc trí vô lậu cũng gọi giải thoát; vì lìa ràng buộc, nên nhân ba môn này nhập vào Tịnh độ. Vả lại, có một nghĩa nói: “Nhân môn vô tướng, nhập cõi nước pháp tánh. Quán pháp vô tướng chân như. Nhân môn vô nguyện nhập độ tự thọ dụng; ở trong ba cõi; vì cầu vô nguyện. Nhân môn Đại không nhập tha thọ dụng và cõi biến hóa đạt hai ngã không có nhập hai cõi. Có chỗ nói rằng: “Ba môn đều nhập ba thứ cõi Phật”. Luận chép: “Ba môn hoặc đều riêng, quán ba thứ tự tánh. Hoặc đều là chủ thể quán ba thứ tánh. Đây là nói môn Phật, nếu các Bồ-tát nhân môn vô lậu của ba thứ này, nhập cõi tha thọ dụng. Nếu Nhị thừa Địa tiền, cũng nhân ba vô lậu, hoặc là hữu lậu, nhập vào cõi hóa, thì phàm phu, Bồ-tát chỉ nhân đẳng trì của ba hữu lậu này, nhập vào độ hóa không gọi môn giải thoát, vì chẳng phải thuộc về vô lậu, nên về lý, thật ra là tha thọ dụng và cõi biến hóa, đều có sự nhân môn, v.v... của đường đi qua, vì khiến cho hữu tình ưa thích, vì thật đức, nên y cứ vào hạnh để nói. Cõi pháp tánh kia và tự thọ dụng đều lượng vô biên, không nói có riêng tướng môn sự, v.v... Cõi tha thọ dụng đã có chia giới hạn, đều y cứ vào hoa sen mà kiến lập”. Kinh Phật Địa chép: “Đã kiến lập hoa sen báu lớn”. Quán kinh cũng chép: “Nghĩ treo cao chiếc trống, có tòa hoa sen, hóa độ không nhất định, hoặc có, hoặc không có, so với cõi Phật này không có hoa sen”.

ĐẠI THỪA PHÁP UYỂN NGHĨA LÂM CHƯƠNG QUYỂN 7 (HẾT)